

LÊ NGỌC TRÁC

**Những người con  
ưu tú của  
núi Ấn Sông Trà**



NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ

LÊ NGỌC TRÁC

\*

Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà

\*

VĂN NGHỆ



*Những người con  
ưu tú của núi Ấn sông Trà*

\*\*\*

Kính dâng Quảng Ngãi – quê hương tôi  
**Lê Ngọc Trác**





LÊ NGỌC TRÁC  
(Biên soạn)

*Những người con ưu tú  
của núi Ấn sông Trà*

4-78 2091 254

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
2009



## Lời ngỏ

Vùng đất Quảng Ngãi đã chính thức sáp nhập vào lãnh thổ, đất nước Việt Nam từ tháng 7/1402. Hơn 600 năm qua (1402 – 2009), tuy là vùng đất nghèo khó, nhưng Quảng Ngãi ngoan cường và đầy lòng thủy chung. Dòng sông Trà Khúc và núi Thiên Ấn là hai danh thắng biểu tượng, gắn bó với tình cảm, suy nghĩ và hành động đầy nghĩa khí của con người quê hương Quảng Ngãi. Qua bao đời nay, thời nào cũng vậy, quê hương Quảng Ngãi đã sinh ra nhiều người con ưu tú. Họ là những nhân tài trên các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, quân sự, văn học nghệ thuật... Và, chính những người con ưu tú của miền núi Ấn sông Trà với tấm lòng nhân ái, đầy tinh thần trách nhiệm đã làm rạng danh quê hương Quảng Ngãi và đất Việt mến yêu.

Viết về những người con ưu tú, danh nhân của Quảng Ngãi, đã có nhiều người viết. Mỗi người thể hiện một cách riêng.

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

*Nhưng, tất cả đều viết về những người con ưu tú của quê hương Quảng Ngãi với tấm lòng kính phục và biết ơn tiên nhân. Nhân tài của quê hương miền núi Ấn sông Trà rất nhiều, rất đông. Cuộc đời, sự nghiệp của họ rất đẹp, là tấm gương sáng cho hôm nay và mai sau. Không có đủ điều kiện để viết tất cả những con người kiệt xuất của quê hương Quảng Ngãi. Ở tập sách bé nhỏ này, tôi cố gắng viết giới thiệu cùng bạn đọc những nét đặc trưng về cuộc đời và sự nghiệp của: BÙI TÁ HÁN, LÊ VĂN DUYỆT, TRƯƠNG ĐĂNG QUẾ, VÕ DUY NINH, TRƯƠNG ĐỊNH, LÊ TRUNG ĐÌNH, LÊ ĐÌNH CẢN, LÊ KHIẾT, NGUYỄN SỤY, LÊ NGUNG, NGUYỄN BÁ LOAN, PHẠM VĂN ĐỒNG, NGUYỄN VỸ, BÍCH KHÊ, TRẦN VĂN TRÀ, TẾ HANH, TRƯƠNG QUANG LỤC và THANH THẢO, thể hiện tấm lòng kính yêu, ngưỡng mộ của tôi đối với những người con ưu tú của quê hương, với tựa đề: “Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà”. Với tập sách bé nhỏ này, chắc chắn sẽ không tránh khỏi những hạn chế. Mong bạn đọc đón nhận.*

Lê Ngọc Trác

Lagi, 2009

Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà

*Bùi Tá Hán*  
**DANH TƯỚNG TRIỀU LÊ ĐƯỢC TÔN VINH**  
**THÀNH TIỀN HIỀN XỨ QUẢNG**

**T**rong 440 năm qua, hằng năm vào ngày 15 tháng 5 âm lịch, dòng họ Bùi Tá và nhân dân làng Thu Phổ, xã Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi long trọng tổ chức ngày giỗ *Thượng Đẳng Thần* Bùi Tá Hán. Đây là dịp để nhân dân Quảng Ngãi tưởng nhớ đến Bùi Tá Hán một danh tướng Triều Lê, người có công mở cõi, xây dựng quê hương Quảng Ngãi và ôn lại truyền thống dựng nước, giữ nước của cha ông để các thế hệ học tập, noi gương.

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Bùi Tá Hán sinh vào khoảng năm 1496 tại Châu Hoan, nay thuộc tỉnh Nghệ An. Là một trong những vị tướng có công với Triều Lê, năm 1540, ông được vua Lê Trang Tông (1533 - 1548), phong làm Bắc quân Đô đốc. Bùi Tá Hán vâng mệnh vua dẫn quân vào đánh chiếm Thừa Tuyên Quảng Nam. Thừa Tuyên Quảng Nam thời bấy giờ bao gồm cả tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi. Năm 1546, Bùi Tá Hán được vua Trang Tông Nhà Lê phong chức Đô tướng Dinh Quảng Nam, tước Trấn Quốc Công. Trong thời kỳ trấn nhậm tại Thừa Tuyên Quảng Nam, Bùi Tá Hán cùng với người con trai trưởng của mình là Bùi Tá Thế đã có công đưa dân miền Bắc vào khai hoang lập ấp, xây dựng xóm làng, quê hương. Bùi Tá Hán đã dẹp yên trộm cướp, giữ vững trật tự xã hội. Thời kỳ này, ở các huyện miền Tây Quảng Ngãi và Quảng Nam thường bị giặc Đá vách (giặc Đá vách thuộc nhóm người dân tộc thiểu số ở các huyện miền Tây Quảng Ngãi) và quân Chiêm Thành (Chăm) xâm chiếm đánh phá, Bùi Tá Hán đã lãnh đạo nhân dân và quân sĩ chiến đấu bảo vệ lãnh thổ đất nước. Chính ông đã đốc thúc quân dân xây đắp thành lũy cao 2mét, chạy dài từ huyện Tư Nghĩa đến huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi để chống nhau với giặc Đá vách. Bùi Tá Hán

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



đã xây dựng được mối đoàn kết giữa nhân dân người Kinh và dân tộc ít người. Ông áp dụng chiến lược ngoại giao khôn khéo với các tộc người, các nước láng giềng nên suốt thời kỳ ông trấn thủ ở Thừa Tuyên Quảng Nam đời sống nhân dân được ổn định và phát triển.

Sau vì khinh địch, ông bị quân Chiêm Thành phục kích bắt giết vào năm 1568 tại khu rừng cây Thu Phổ thuộc huyện Tư Nghĩa tỉnh Quảng Ngãi (Có tài liệu ghi ngày mất của Bùi Tá Hán là 15 tháng 5 năm 1568?).

Sau khi ông mất được Triều đình Nhà Lê phong tặng Thái Bảo. Đến năm Minh Mạng 13 (1832) được gia phong là Khuông quốc tịnh biên Thọ phúc Thượng Đẳng Thần.

Với lòng kính phục và thương tiếc một danh tướng có công với đất nước, quê hương Quảng Ngãi, nhân dân đã thêu dệt nên huyền thoại về cái chết của Bùi Tá Hán: danh tướng Bùi Tá Hán đã hiển thánh, người và ngựa đi đâu không ai biết, chỉ còn lưu lại mảnh nhung y điểm huyết tại khu rừng cây làng Thu Phổ. Qua bao đời nay, trong dân gian vẫn còn truyền tụng hai câu thơ nói về cái chết của ông:

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

*Nhơn mã bất tri hà xứ khứ  
Huyết y trường dữ thử bì lưu  
(Người, ngựa đi đâu nào thấy bóng  
Máu, bào còn để ở lời bia).*

Nhân dân Quảng Ngãi đã xây mộ và đền thờ Bùi Tá Hán tại rừng cây (còn gọi là rừng lãng) Thu Phổ. Ngày 2 tháng 3 năm 1990, Bộ Văn Hoá Thông tin đã ra Quyết định số 168 xếp hạng mộ và đền thờ Bùi Tá Hán thành di tích lịch sử Văn hoá cấp Quốc gia.

Danh tướng Bùi Tá Hán là nhân vật lịch sử đã đi vào huyền thoại trong tâm thức của người dân miền núi Ấn sông Trà. Tên tuổi của Bùi Tá Hán qua bao đời nay đã gắn liền với núi sông quê hương Quảng Ngãi. Đối với đất nước và dân tộc Việt Nam ông là một trong những danh tướng có công mở cõi về phương Nam, dựng nước và giữ nước, riêng đối với quê hương Quảng Ngãi ông đã được tôn vinh thành Tiên hiền có công mở đất, lập làng.

2008

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



## *Lê Văn Duyệt*

*Một tài năng lớn về quân sự, chính trị, kinh tế*

**C**ó nhiều danh tướng phò giúp Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi hoàng đế. Nhưng có bốn vị đại tướng được xem là đệ nhất công thần của triều Gia Long Nguyễn Phúc Ánh. Đó là: *Tiền quân Nguyễn Văn Thành, Hậu quân Võ Tánh, Hữu quân Nguyễn Huỳnh Đức và Tả quân Lê Văn Duyệt*. Số phận lịch sử cuộc đời của bốn vị đệ nhất công thần của Triều Gia Long khác nhau: Nguyễn Văn Thành

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

bị Vua Gia Long ép uống thuốc độc tự tử vào năm 1817. Nguyễn Huỳnh Đức sau khi mất (1819) được đưa vào thờ trong miếu Trung Hưng công thần tại kinh đô. Võ Tánh thì tự thiêu cố thủ thành Bình Định mất vào năm 1801 cũng được đưa vào thờ ở miếu Trung Hưng công thần của Triều Nguyễn. Riêng Tả quân Lê Văn Duyệt có một số phận lịch sử đặc biệt. Sau khi ông qua đời, có nhiều nhận định, đánh giá trái ngược nhau. Ca ngợi tài năng và công lao của ông cũng nhiều, mà phê phán cũng không ít. Những người có cảm tình với Nhà Tây Sơn thì xem Lê Văn Duyệt như một tên tội đồ, một người thân Pháp và Thiên chúa giáo. Các sử gia Triều Nguyễn từng thời kỳ cũng bất nhất và có phần khắt khe trong đánh giá về Lê Văn Duyệt. Có thời thì xem ông như một tội phạm của triều đình. Cũng có thời Lê Văn Duyệt được xem là một tướng lừng danh có nhiều công lao to lớn đối với triều Nguyễn và đất nước. Về sau này, có thời mà tư tưởng dân tộc cực đoan và quá khích thì người ta xoá sạch công lao của Lê Văn Duyệt !.

**Vậy đâu là sự thật của lịch sử ?** Lê Văn Duyệt sinh năm 1763, nguyên quán ở làng Bồ Đề huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi. Từ đời nội tổ của ông đã di cư vào Nam sinh sống tại Định Tường. Lê Văn Duyệt đã có công phò tá

Nguyễn Phúc Ánh được phong làm Cai cơ. Ông đã lập nhiều chiến công lớn, góp phần đưa Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi Vua. Năm 1801, vua Gia Long phong ông làm Khâm sai chưởng tả quân bình Tây tướng quân, Tước quận công. Năm 1802, ông cùng Nguyễn Văn Thành, Lê Chất đem quân đi bình định miền Bắc, được lãnh chức Kinh lược xứ Thanh Hoá và Nghệ An. Năm 1812, ông được phong làm Tổng trấn Gia Định, bảo hộ nước Chân Lạp (Campuchia). Lần thứ hai, vào năm 1820, ông lại được cử làm tổng trấn Gia Định. Ông cai quản thành Gia Định và cả miền Nam đến khi mất (1832). Lê Văn Duyệt mất khi còn đang tại chức, thọ 69 tuổi.

Năm 1698, Nguyễn Hữu Cảnh là người đặt đơn vị hành chính Gia Định và toàn miền Nam, chính thức xác lập vùng đất này vào địa lý hành chính nước ta. Thì chính Lê Văn Duyệt là người đã có công khai phá, mở rộng và bảo vệ vùng đất phương Nam của Tổ quốc. Gia Định thành và cả miền Nam bắt đầu từ Bình Thuận trải dài đến mũi Cà Mau thời bấy giờ còn hoang hoá, đất đai chưa thuần thực, nạn trộm cướp hoành hành nhiều nơi. Lê Văn Duyệt đã chiêu mộ dân chúng ra sức cải tạo, xây dựng đồng ruộng phì nhiêu, xây dựng làng, xã. Ông chăm lo đến đời sống

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

của dân chúng và binh sĩ; đồng thời, trừng trị rất nặng bọn tham quan ô lại, và quân trộm cướp. Đối với một số người lầm lỡ vào con đường trộm cướp, tội phạm, ông tỏ ra là người bao dung, vỗ về, cảm hoá họ trở về con đường làm ăn chân chính. Chính vì vậy, trong thời kỳ Lê Văn Duyệt thay mặt triều đình quản lý thành Gia Định và cả miền Nam, đời sống nhân dân ở đây được an cư thịnh vượng.

Lê Văn Duyệt đã góp phần không nhỏ vào việc bảo vệ vùng đất phương Nam của Tổ quốc. Ông vừa làm tốt công tác bảo hộ Cao Miên, ngăn chặn hữu hiệu ý đồ xâm lược của Xiêm La. Trong thời gian ở Gia Định ông đã đề xuất với triều đình đào kênh Vĩnh Tế nhằm thoát nước, tiêu úng thay chua rửa phèn cho đồng ruộng. Công trình kênh Vĩnh Tế có ý nghĩa to lớn về kinh tế và quốc phòng và hiệu quả mang lại rất lớn cho đất nước đến mãi ngày hôm nay.

Không chỉ giữ vững bờ cõi phía Nam đất nước, lo phát triển kinh tế, chăm lo đời sống nhân dân, Lê Văn Duyệt là người đã góp công lớn về chính sách đối nội lẫn đối ngoại. Ông đã khôn khéo mở rộng giao thương với các nước. Thời kỳ ông trấn nhậm đất nam kỳ, nhiều tàu buôn của các nước: Trung Quốc, Mã Lai, Nam Dương, Miến



Điện, Phương Tây và Châu Mỹ đã cập bến Gia Định Bến Nghé để mua bán trao đổi hàng hoá. Sài Gòn Gia Định thời bấy giờ như một đặc khu kinh tế mở cửa nước ta. Năm 1822, Crawfurd người cầm đầu Phái bộ ngoại giao của toàn quyền Ấn Độ ghé vào Bến Nghé và Gia Định, được yết kiến Lê Văn Duyệt đã viết về ông như sau: *“Con người này ít học, nhưng lạ lùng thay lại có cái nhìn cởi mở hơn nhiều đại thần và cả nhà vua học rộng lâu lâu kinh sử của Khổng giáo. Ngài sống thanh liêm, mong muốn mở mang đất Gia Định trù phú hơn mọi quốc gia khác ở trong vùng biển Đông”*. Và, Crawfurd đã tả đời sống của Gia Định như sau: *“Lần đầu tiên tôi đến Bến Nghé, tôi bất ngờ thấy rằng nơi đây không thua gì kinh đô nước Xiêm. Về nhiều mặt còn sầm uất hơn, không khí mát mẻ hơn, hàng hoá phong phú hơn, giá cả hợp lý và an ninh ở đây rất tốt, hơn nhiều kinh thành mà chúng tôi đã đi qua. Tôi có cảm giác như đây là một vương quốc lý tưởng...”*

Năm 1825, trong lúc Minh Mạng và Triều đình Huế chủ trương cấm đạo Thiên chúa và lệnh cho các quan phải khám xét các tàu bè của ngoại quốc ra vào cửa biển. Thì, Lê Văn Duyệt đã áp dụng chính sách mềm dẻo, cởi mở hơn đối với Giáo sĩ và giáo dân Thiên chúa giáo. Ông vẫn

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

để người ta sống yên bình và truyền đạo. Lê Văn Duyệt chủ trương tự do tín ngưỡng, đoàn kết lương giáo, đoàn kết dân tộc để ổn định chính trị và xã hội.

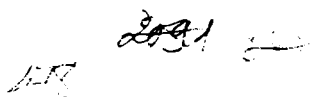
Qua nhiều giai đoạn lịch sử, có nhiều nhà nghiên cứu sử học cho rằng: *Lê Văn Duyệt có mưu đồ tách Nam kỳ khỏi sự quản lý của triều đình, Lê Văn Duyệt không phục vua Minh Mạng và vua Minh Mạng cũng không thích Lê Văn Duyệt...* Điều này đã gây ra nhiều tranh luận trong giới nghiên cứu lịch sử. Nhưng có một sự thật lịch sử được công nhận: Lê Văn Duyệt là một người luôn luôn trung thành với Gia Long. Sách Đại Nam liệt truyện đã nhận định về Lê Văn Duyệt như sau: *“Duyệt là huân cựu đại thần được dự nhận lời vua Gia Long dặn lại việc triều chính, triều đình dựa làm trọng”*. **Còn đối với vua Minh Mạng thì như thế nào?** Nam kỳ là vùng đất khai sáng của triều Nguyễn, có vị trí trọng yếu về quốc phòng và đối ngoại, có tiềm năng về kinh tế để tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế của đất nước. Lịch sử đã đánh giá: *Minh Mạng là một ông vua thông minh, quả cảm, hết lòng lo việc nước. Nhưng, cũng là một ông vua chuyên chế, nghiêm khắc. Một người có uy quyền mà ít độ lượng...* Nếu Minh Mạng không tin tưởng vào sự trung thành của Lê Văn Duyệt thì chắc chắn nhà

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

vua sẽ không bao giờ cử ông vào trấn giữ thành Gia Định và cả Nam kỳ. Năm 1823, Minh Mạng bãi bỏ chức Tổng trấn Bắc thành. Các địa phương đều được chia thành cấp tỉnh. Nhưng với Gia Định, vua vẫn để Lê Văn Duyệt làm Tổng trấn. Sách Đại Nam liệt truyện nêu rõ: Vua Minh Mạng có sự biệt đãi đối với Lê Văn Duyệt: “*Duyệt lai kinh chúc hổ, Vua đãi hậu hơn, lúc thoái châu, vua đưa mất tiền,...*”. Năm 1827, Minh Mạng đã từng nói với các cận thần: “*người ta nói Lê Văn Duyệt xuất tích cương lệ, nay trẫm xem ra thì Duyệt trung thuận, nghĩa thờ vua vẫn giữ được, những tính bình nhật cương lệ, đều rửa sạch hết, không ngờ tuổi già lại hay tu tỉnh như thế*”. Và nhà vua cho Duyệt tiếp tục trấn nhậm Gia Định với lời dụ: “*Gia Định là trọng trấn phương Nam, Duyệt không nên vắng mặt lâu. Người này vẫn được người Xiêm sợ. Nay lại giữ một mặt ấy có thể hùng dũng như hổ báo ở núi...*”. Sách Đại Nam liệt truyện còn ghi rõ: Minh mạng nhận định về Lê Văn Duyệt như sau: “*nắm giữ biên cương tây Nam không ai bằng Duyệt. Uy lực đối với Xiêm La, Chân Lạp, Vạn Tượng không ai bằng Duyệt. Duyệt ngồi đó trẫm yên lòng...*”. Điều này cho thấy Minh Mạng rất tin tưởng vào năng lực lãnh đạo của Lê Văn Duyệt. Và, như thế chứng

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



tổ suốt đời mình, Lê Văn Duyệt vẫn một lòng với triều đình, một lòng với lợi ích của đất nước và dân tộc.

**Bi kịch và nỗi hàm oan của Lê Văn Duyệt chỉ xảy ra sau khi ông qua đời!** Sau khi Lê Văn Duyệt qua đời, vua Minh Mạng mới bãi chức Tổng trấn thành Gia Định, đặt chức Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh, Án sát, Lãnh binh như ở các tỉnh trong cả nước.

Khi còn sống, Lê Văn Duyệt là một con người đầy uy quyền, ai cũng kính phục. Tính khí của ông cương trực, nóng nảy và rất ghét bọn tham quan ô lại, xu nịnh. Chính vì vậy, có nhiều người không thích ông. Bạch Xuân Nguyên vốn là một người tham lam tàn ác, khi được bổ nhiệm làm Bố chánh Gia Định (Phiên An) đã truy xét việc riêng của Lê Văn Duyệt, bắt người nhà và tâu tố của Lê Văn Duyệt giam giữ, tra khảo để tìm chứng cứ kết tội Lê Văn Duyệt. Trong những người bị bắt có Lê Văn Khôi là con nuôi của Lê Văn Duyệt.

Lê Văn Khôi tên thật là Bế Văn Khôi (không rõ năm sinh) vốn là một thổ hào ở Cao Bằng, từng nổi loạn, đổi họ là Nguyễn Hựu Khôi, theo nhóm phản loạn ở Nghệ An. Khi Lê Văn Duyệt lãnh chức kinh lược sứ Nghệ An đem quân đi dẹp loạn đã cảm hoá và thu nhận Nguyễn

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Hựu Khôi làm con nuôi và đổi tên thành Lê Văn Khôi. Sau này, khi trấn nhậm Gia Định, Lê Văn Duyệt đưa Lê Văn Khôi đi theo và cho làm đến chức Phó vệ úy. Lê Văn Khôi là một con người có sức khoẻ tay không đánh được cọp dữ.

Bị bắt giam, Lê Văn Khôi tức giận, bèn cấu kết cùng mấy người thân tín nổi lên làm binh biến. Đêm ngày 18 tháng 5 năm Quý Tỵ (năm 1833), Lê Văn Khôi cùng những người lính của mình phá ngục, rồi vào Dinh Bộ chánh giết cả nhà Bạch Xuân Nguyên. Tổng đốc Nguyễn Văn Quế đem người đến cứu cũng bị Lê Văn Khôi giết chết. Lợi dụng uy tín của Lê Văn Duyệt, vận động nhân dân và binh lính, liên kết với một số chức sắc Thiên chúa giáo là người ngoại quốc, Lê Văn Khôi bèn tự xưng mình là Bình Nam đại nguyên soái, tự phong Tướng cho những người cùng cánh, bổ nhiệm quan chức như một triều đình riêng. Chỉ trong vòng 6 tháng, Lê Văn Khôi đã đánh chiếm được 6 tỉnh ở Nam kỳ. Triều đình liền cử Tổng Phước Lương làm Thảo nghịch Tả tướng quân phối hợp cùng với các tướng: Phan Văn Thúy, Trương Minh Giảng và Trần Văn Năng tập trung thủy bộ binh tượng tiến đánh Lê Văn Khôi. Lê Văn Khôi biết không thể chống nổi, nên chạy vào thành Phiên

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

An cố thủ và sai người cầu cứu quân Xiêm La. Quân triều đình một mặt thì đánh đuổi quân Xiêm La, một mặt thì vây đánh thành Phiên An. Đến tháng chạp năm Quý Tỵ (năm 1833), Lê Văn Khôi bị bệnh chết. Những người theo Lê Văn Khôi tôn con trai của Lê Văn Khôi là Lê Văn Câu lên làm thủ lĩnh, tiếp tục chống cự với triều đình. Mãi đến tháng 7 năm 1835, quân triều đình mới hạ được thành Phiên An, đánh tan được những người theo Lê Văn Khôi. Quân triều đình bắt sống hơn 1.831 người và xử tử toàn bộ. Con trai Lê Văn Khôi là Lê Văn Câu và Linh mục Marchand (còn gọi là Cố Du) bị giải về kinh thành Huế để xử lăng trì. Vì vụ án của Lê Văn Khôi, Lê Văn Duyệt bị liên đới trách nhiệm. Một số quan đại thần trong triều đã quy trách nhiệm cho Lê Văn Duyệt là người nuôi mầm mống phản loạn. Minh Mạng là ông vua chuyên chế, thể hiện uy quyền và răn đe các nhóm chống đối khác đã xoá sạch mọi chức tước của Lê Văn Duyệt và lệnh cho Tổng đốc Gia Định đến phần mộ của Lê Văn Duyệt san bằng, đặt xích sắt xiềng mộ và khắc đá dựng bia. Ở trên bia viết: *“chỗ này là nơi quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp”*. Đến năm 1841, vua Thiệu Trị cho xoá bỏ xiềng và đắp lại mộ của Lê Văn Duyệt. Mãi đến 13 năm sau, nỗi oan của Lê

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



Văn Duyệt mới được cởi bỏ. Năm 1848, theo nguyện vọng của nhân dân và các vị quan trung trực tại triều đình, Đông các đại học sĩ Vũ Xuân Cẩn dâng sớ lên vua Tự Đức xin minh oan cho Lê Văn Duyệt. Tự Đức ban chiếu rửa sạch tội lỗi và truy phục nguyên tước, hàm cho Lê Văn Duyệt là : ***Vọng các Công thần Chương Tả quân Bình Tây tướng quân quận công.***

Có thể nói qua hơn 175 năm (1833 - 2008), qua từng thời kỳ, nhiều sử sách đánh giá khác nhau về cuộc đời danh tướng Lê Văn Duyệt. Nhưng, đối với nhân Gia Định và cả miền Nam, Lê Văn Duyệt vẫn là một người có nhiều công đức đối với nhân dân và đất nước. Hình ảnh, cuộc đời, chiến công của Lê Văn Duyệt đã đi vào tâm thức của người dân Gia Định và miền Nam nước Việt. Nhân dân coi ông như một vị thần. Qua bao đời nay hình tượng Lê Văn Duyệt đã trở thành tín ngưỡng trong tâm thức của nhân dân miền Nam. Từ năm 1848 đến nay trải qua gần 160 năm, nhân dân Sài Gòn - Gia Định và cả miền Nam đã nhiều lần đóng góp công sức tiền của để xây dựng, tu sửa, tôn tạo khu mộ và đền thờ Lê Văn Duyệt. Nhân dân đã tôn vinh gọi mộ và đền thờ của Lê Văn Duyệt là ***Lăng Ông*** với tất cả lòng thành kính. ***Lăng Ông*** Lê Văn

***Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà***

---

Duyệt tọa lạc uy nghi trên một khuôn viên rộng 18.500 mét vuông ở Bình Hoà - Gia Định, nay là 126 đường Đinh Tiên Hoàng - Phường 1 - Quận Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh. Lãng Ông đã trở thành điểm hoạt động tín ngưỡng, điểm đến tâm linh của người Sài Gòn - Gia Định và các tỉnh miền Nam. Lê Văn Duyệt sống mãi trong lòng nhân dân Sài Gòn - Gia Định và miền Nam nước Việt.

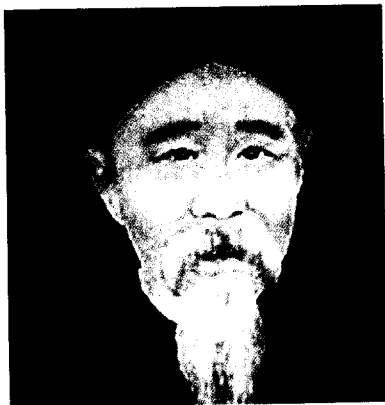
Năm 2000, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam, Hội đồng khoa học TP. Hồ Chí Minh, Tạp chí Xưa và Nay đã mở hội thảo về Lê Văn Duyệt. Qua cuộc hội thảo, các nhà sử học, các giáo sư chuyên ngành và các học giả có tên tuổi trong nước đều có chung một nhận định: ***“Lê Văn Duyệt là một tài năng lớn về chính trị, kinh tế, quân sự và trong các tư duy chiến lược của Lê Văn Duyệt có sự kế thừa từ các anh hùng dân tộc trước đó”***.

(Bài đã đăng trên:

- WWW.vanchuongviet.org ngày 15/11/2008
- WWW.lichsu.vn ngày 16/11/2008
- WWW.butnghien.vn ngày 1/1/2009
- WWW.nuiansongtra.net ngày 20/4/2009)

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



DANH THẦN *Trương Đăng Quế*  
*Một tâm hồn thơ nặng lòng với quê hương*

**Q**uê hương Quảng Ngãi đã sinh ra hai Danh nhân. Họ sống vào hai thời đại khác nhau, hai thể chế chính trị khác nhau. Nhưng, cả hai đều có những điểm tương đồng: Đều là những nhà chính trị kiệt xuất và là nhà văn hoá lớn. Hai người đều thành đạt ở đỉnh cao quyền lực, suốt đời đều phục vụ dân tộc và đất nước. Đó là **Phạm Văn Đồng** - Thủ tướng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Và, **Trương Đăng Quế** của Triều Nguyễn suốt 43 năm trải qua các đời vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức.

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

---

Trương Đăng Quế tự là Diên Phương, hiệu Đoan Trai, Quảng Khê, xuất thân trong một gia đình nhà Nho thanh bạch. Ông sinh vào năm 1794 tại làng Mỹ Khê, quận Sơn Tịnh tỉnh Quảng Ngãi (có tài liệu cho rằng: ông sinh vào năm 1793?).

Ông là một người thông minh, hiếu học. Năm 1819, Gia Long năm thứ 18, Trương Đăng Quế đỗ Hương tiến tại trường thi hương Thừa Thiên. Có thể coi Trương Đăng Quế là người khai khoa đầu tiên của Quảng Ngãi dưới Triều Nguyễn.

Minh Mạng là một vị vua thông minh, hết lòng chăm lo việc nước, sáng suốt trong việc dùng người. Dưới thời Minh Mạng những người được bổ nhiệm làm quan đều có thực tài và thực học (không câu nệ bằng cấp). Trương Đăng Quế là một người tài năng, có tầm hiểu biết rộng về chính trị, văn hoá và quân sự. Chính vì vậy, tuy Trương Đăng Quế chỉ thi đậu hương tiến, năm 1820, vua Minh Mạng vẫn mạnh dạn bổ ông vào làm hành tẩu bộ lễ. Đến năm 1831, bổ nhiệm ông làm việc ở Hàn Lâm Viện và được vua Minh Mạng phân công dạy các hoàng tử và công chúa. Ông được thăng tiến nhiều chức vụ quan trọng: Thượng Thư bộ lễ, bộ lại, bộ công và bộ binh. Năm 1833,

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

năm 1835, Trương Đăng Quế lãnh sứ mệnh Khâm mạng kinh lược chỉ huy đánh giặc Thổ phỉ ở Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng và Thanh Hoá để an dân. Năm 1836, tiếp tục lãnh sứ mệnh Khâm mạng kinh lược Nam Kỳ. Trương Đăng Quế chỉ đạo việc đặt điền lập địa bạ công điền công thổ ở các tỉnh phía Nam Tổ quốc. Và, quy hoạch, phân chia địa giới từ cấp làng, xã đến tỉnh trong toàn miền Nam, tạo cho nhân dân có cuộc sống an cư lạc nghiệp. Theo sử gia Trần Trọng Kim: *“Công cuộc kiểm tra lập địa bạ định lại việc đình điền và thuế khoá ở Nam Kỳ vào năm 1836 đã tạo cho đất nước có bước phát triển vững chắc về kinh tế và quốc phòng. Toàn Nam Kỳ sau khi đặt điền, đã tính ra được số ruộng đất đưa vào sản xuất lên đến trên 630.075 mẫu. Các thứ thuế điền thổ cũng được định lại một cách tương đối hợp lý”*. Năm 1853, ông lãnh sứ mệnh kinh lược xứ Bắc Kỳ để lãnh đạo việc đắp đê điều lo phát triển kinh tế cho các tỉnh ở phía Bắc.

Trương Đăng Quế được triều đình cử trông coi các kỳ thi Hội vào các năm 1835, 1838 và thi Đình vào các năm 1838, 1844,... nhằm tuyển chọn nhân tài cho đất nước. Dưới triều Minh Mạng, ông là một đại thần của viện Cơ mật, được thăng Hiệp điện đại học sĩ. Đời vua Thiệu Trị.

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

---

Trương Đăng Quế là Phụ chánh đại thần, Văn minh điện đại học sĩ. Sang đời vua Tự Đức, ông được thăng Cần chánh điện học sĩ và được phong tước Tuy Thạnh Quận công. Trương Đăng Quế được cử làm Tổng tài ở Quốc sử quán chủ biên các bộ sách lớn của Triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục tiền biên*, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, *Đại Nam hội điển toát yếu*,...

Dưới thời Tự Đức, trước tình hình binh lực hùng mạnh và tân tiến của Pháp, nhiều người lo sợ, muốn giảng hoà với giặc. Trương Đăng Quế là người cầm đầu phe chủ chiến tại Triều đình, quyết tâm đánh Pháp đến cùng (năm 1861, Pháp chiếm Định Tường, Thượng thư bộ hộ Nguyễn Bá Nghi làm khâm sai kinh lý ở Nam kỳ. Nguyễn Bá Nghi biết không thể chống được quân Pháp đã dâng sớ về triều xin nghị hoà với Pháp. Trương Đăng Quế cực lực phản đối, ra lệnh cho Nguyễn Bá Nghi phải tìm mọi kế để đánh Pháp bảo vệ đất nước).

Năm Tự Đức thứ 16 (1863), sau nhiều lần xin cáo lão từ quan, Trương Đăng Quế mới được triều đình đồng ý cho nghỉ hưu. Ông trở về quê hương Quảng Ngãi sống một cuộc sống thanh bần như một người dân quê bình thường.

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



Trương Đăng Quế mất vào ngày 14 tháng 2 năm Ất Sửu (1865), thọ 73 tuổi. Nghe tin ông qua đời, vua Tự Đức bãi triều 3 ngày tổ chức quốc tang, ban tặng ông hàm Thái sư tên thụy là Văn Lương.

Trương Đăng Quế là một nhà thơ lớn của Triều Nguyễn.

### *Xuân giang khúc*

Tạc dạ vũ thủy hạ  
Xuân giang vi lãng sinh  
Thiếp tâm hữu sở cảm  
Diên ngạn tự vi hành

*(Đêm trước mưa rơi trên  
Sông xuân sóng nhẹ lan  
Lòng thiếp vương tình cũ  
Men theo bờ mênh mang)*

(Bản dịch của Nhà thơ Đoàn Thuận)

Đọc bài ca sông xuân của Trương Đăng Quế, chúng ta nhận thấy một vị quan đại thần, một nhà chính trị kiệt xuất của Triều Nguyễn có một tâm hồn rộng mở và cũng đầy lãng mạn.

Giáo sư Vũ Khiêu đã có những nhận xét tinh tế về thơ của Trương Đăng Quế: “*Thơ của ông sâu sắc về nội dung, chặt*

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

*chẽ về cấu trúc, tràn đầy tình yêu và đạo lý làm người, đặc biệt là tấm lòng của ông đối với quê hương Quảng Ngãi”.*

## ***Thuyền quá Quảng Ngãi cố hương***

*Xuân phong tống chinh nghịch*

*Thuấn tức việt trùng ba*

*Lộ chỉ cố hương quá*

*Tình huyền du tử đa*

*Không hoài Tang tử Kính*

*Trùng xướng Thử miêu ca*

*Khởi lập thuyền đầu vọng*

*Dao thôn ẩn nguyệt la*

*(Gió xuân đưa nhẹ thuyền xuôi,*

*Liếc nhìn theo lớp sóng dôi xa xa.*

*Bên đường thắp thoáng quê nhà,*

*Tình vương lữ thứ xót xa can trường*

*Nỗi niềm Tang tử mang mang,*

*Thử miêu ca khúc âm vang chẳng ngừng.*

*Dựa đầu thuyền ngóng mông lung*

*Nhà thôn dân khuất theo cùng chồi cây)*

(Bản dịch của **Giáo sư Vũ Khiêu**)

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Bài thơ trên, Trương Đăng Quế viết khi nhận lãnh trách nhiệm kinh lược xứ Nam Kỳ. Trương Đăng Quế và đoàn tùy tùng đi bằng đường biển, thuyền của ông đi sát dọc theo Quảng Ngãi quê hương ông. Nhưng vì mệnh vua và là một người có trách nhiệm với công vụ, không thể dừng lại thăm quê nhà, đứng ở đầu thuyền, nhìn về quê nhà, Trương Đăng Quế xúc động thành thơ với tấm lòng dạt dào thương nhớ quê hương.

Trương Đăng Quế sáng tác văn học rất nhiều. Những danh sĩ cùng thời với ông như Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương, Phan Thanh Giản, Nguyễn Công Trứ đều rất quý mến ông về tài học và tài thơ. Trương Đăng Quế đã để lại cho đời những tác phẩm sau đây: *Thiệu Trị văn giai*, *Quảng Khê thi văn tập*, *Học văn dư tập*,...

Sự nghiệp chính trị của Trương Đăng Quế gắn liền với triều đình Nhà Nguyễn trong suốt thời kỳ đất nước và triều đình phong kiến Nhà Nguyễn còn tự chủ. Trương Đăng Quế đã có những đóng góp xuất sắc với lịch sử. Nhất là trên các lĩnh vực: *Chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, văn chương và học thuật.*

(Bài đã đăng trên:

- Tạp chí "Kiến thức ngày nay" số 658/20/11/2008
- WWW.vanchuongviet.org ngày 12/11/2008)

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

---



*Võ Duy Ninh*  
**VỊ TƯỚNG ĐẦU TIÊN HY SINH TRONG  
LỊCH SỬ CHỐNG PHÁP**

**V**ào cuối những năm 50 của thế kỷ 19, Pháp bắt đầu xâm lăng đất nước ta. Trong những năm tháng đầu tiên chống Pháp, bảo vệ đất nước, có một vị tướng hy sinh. Đó là tổng đốc thành Gia Định Võ Duy Ninh. Ông đã tự tử

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

khi quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định. Võ Duy Ninh là vị tướng hy sinh cho đất nước trước danh tướng Nguyễn Tri Phương 14 năm và trước Hoàng Diệu - Tổng đốc thành Hà Nội 23 năm.

Võ Duy Ninh sinh năm 1804 người xã Hành Thuận, Huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Ông thi đậu cử nhân năm 1834, được cử làm Hành tẩu ở Bộ lại. Năm 1847, làm Bồi chánh Hưng Yên, đến năm 1852 được thăng Lại bộ tả Tham tri. Năm 1858, Võ Duy Ninh đang cử tang mẹ ở quê nhà, Vua Tự Đức triệu ông về kinh giao nhiệm vụ làm Tổng đốc 2 tỉnh: Gia Định và Biên Hoà.

Năm 1858, Napoléon III ra lệnh cho Trung tướng Rigault de Genouilly chỉ huy hạm đội Pháp ở Viễn Đông phối hợp với quân Tây Ban Nha nổ súng đánh vào Đà Nẵng. Pháp chủ trương chớp nhoáng đánh chiếm Đà Nẵng, rồi cấp tốc vượt đèo Hải Vân tấn công Kinh đô Huế. Ngày 1/9/1858, Pháp tập trung hỏa lực đánh phá Đà Nẵng và các đồn ở Sơn Trà. Trước tình thế mất còn, nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng thực hiện chiến thuật vườn không nhà trống, nhằm cô lập quân địch. Lúc này, triều đình Huế cử Nguyễn Tri Phương làm tổng đốc Quảng Nam, chỉ huy chống Pháp ở mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng. Nguyễn Tri

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Phương huy động binh lính và nhân dân đắp một lũy dài ven biển. Và, cương quyết chiến đấu, đánh Pháp, bảo vệ đất nước. Suốt gần sáu tháng trời, trước sự chống trả quyết liệt của binh sĩ và nhân dân ta, kế hoạch đánh chiếm Đà Nẵng để thông đường tấn công Kinh thành Huế của quân Pháp bị thất bại. Tướng Rigault de Genouilly phải thay đổi kế hoạch, quyết định đem quân vào đánh chiếm Gia Định, với âm mưu xâm chiếm đất nước ta lâu dài.

Pháp chủ trương đánh chiếm Sài Gòn - Gia Định, một vùng đất rộng lớn có tiềm năng lớn về kinh tế và thương mại, là đánh vào kinh tế của triều đình và của đất nước ta. Năm Tự Đức thứ 12, vào ngày 02/02/1859, Rigault de Genouilly mang 2.000 quân với 8 tàu chiến đổ bộ tấn công thành Gia Định. Lúc bấy giờ, lực lượng và vũ khí của Pháp rất hùng hậu, tối tân. Còn phía ta lực lượng mỏng, vũ khí lạc hậu. Võ Duy Ninh phải điều binh các tỉnh lân cận về cứu viện. Quân Pháp đã dùng chất nổ phá thành, tràn vào. Sau 2 ngày quân ta chiến đấu anh dũng nhưng vẫn không cầm cự được. Ngày 17/02/1859, thành Gia Định bị Pháp chiếm đóng và san bằng. Không đầu hàng giặc Pháp, Võ Duy Ninh thất cố tự tử.

Trước cái chết bi hùng của một vị tướng trung dũng đã dấy lên lòng căm thù giặc Pháp sâu sắc trong nhân dân. Nhiều người đã tự nguyện tham gia vào những đội quân “Ứng nghĩa” chống Pháp. Mặc dù, Pháp đã chiếm được thành Gia Định nhưng phải đối phó với những đạo quân “ứng nghĩa” hoạt động khắp nơi. Nhân dân Gia Định tự thiêu huỷ nhà cửa, di tản qua những tỉnh khác, không hợp tác với giặc. Đội quân “Ứng nghĩa” ngày đêm phục kích, đột kích, bao vây giặc Pháp để trả thù cho vị tướng trung dũng Võ Duy Ninh. Và, bảo vệ từng tấc đất của quê hương.



## *Trương Định*

*Thủ lĩnh vĩ đại của nghĩa quân chống Pháp*

Từ năm Tự Đức thứ 11 trở đi, đất nước đi vào khúc quanh lịch sử. Pháp bắt đầu đưa quân xâm chiếm đất nước ta: Tấn công Đà Nẵng (1858), chiếm Gia Định (1859), chiếm Định Tường (1861), Biên Hoà và Vĩnh Long (1862). Một bộ phận đất đai của nước Việt Nam thân yêu lần lượt rơi vào tay thực dân Pháp. Nhân dân khổ cực, lòng

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



người ly tán. Nội bộ triều đình Tự Đức phân hoá. Đất nước trên bờ vực thẳm. Ấy thế mà Tự Đức và triều thần lại nhu nhược, không đề ra được một quyết sách nào khả dĩ để chống lại hiểm họa xâm lăng của Pháp, nhằm bảo vệ đất nước. Khiếp sợ trước lực lượng hùng mạnh, vũ khí tối tân của Pháp, vua Tự Đức đã lệnh cho Hiệp biện Đại học sĩ Phan Thanh Giản và Lâm Duy Tiếp vào Gia Định ký hoà ước với thiếu tướng Hải quân Pháp Bonard đại diện cho Chính phủ Pháp vào ngày 09/5/1862. Hoà ước này được gọi là hoà ước Nhâm Tuất. Thực chất nội dung của bản hoà ước Nhâm Tuất là một văn bản triều đình Tự Đức đầu hàng, mở đường cho thực dân Pháp xâm chiếm đất nước ta.

Thời điểm này, ngọn cờ chống Pháp đã chuyển hẳn sang nhân dân, mà đứng đầu là các nhóm nghĩa quân dưới sự chủ xướng và lãnh đạo của Đỗ Đình Thoại, Phủ Cậu, Thiên Hộ Dương, Quảng Tu, Nguyễn Trung Trực và Trương Định. Lực lượng nghĩa quân chống Pháp dưới sự lãnh đạo của Trương Định là đông hơn cả, có ảnh hưởng rất lớn đến phong trào chống xâm lăng, gây cho địch nhiều tổn thất. Giáo sư Trần Văn Giàu, trong tác phẩm “Chống xâm lăng” đã viết: *“Trương Định thật sự là một vị anh*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

***hùng xuất chúng, xuất chúng nhất nhì trong cuộc Nam Kỳ kháng chiến”.***

Trương Định còn có tên là Trương Công Định. Ông sinh năm 1820 tại xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Trương Định sống ở quê hương Quảng Ngãi, mãi đến năm 24 tuổi mới theo cha là Trương Cầm, người giữ chức Chưởng lý Thủy sư vào Gia Định. Tại đây, Trương Định lập gia đình với bà Lê Thị Thuởng con gái của một nhà hào phú ở Tân An, Định Tường. Sau khi lập gia đình, ông ở luôn tại quê vợ. Năm 1850, hưởng ứng chính sách khai hoang của triều đình, Trương Định đứng ra chiêu mộ khoảng 500 dân nghèo khai hoang lập ấp. Với công lao ấy, ông được triều đình Huế phong chức Quản cơ, hàm Lục phẩm, nên người đương thời thường gọi ông là Quản Định.

Năm 1859, khi Pháp đưa quân chiếm thành Gia Định, Trương Định đem nghĩa binh lên đóng ở Thuận Kiều để ngăn chặn. Trong quá trình lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp, Trương Định đã đánh thắng giặc Pháp ở mặt trận Thị Nghè, Cây mai... Năm 1860, dưới quyền của Tổng thống quân vụ Nguyễn Tri Phương, Trương Định tham gia giữ đồn Kỳ Hoà, được triều đình phong chức Phó lãnh

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

binh. Sau khi đồn Kỳ Hoà thất thủ, ông cùng nghĩa binh rút về Gò Công xây dựng căn cứ kháng chiến chống Pháp. Trương Định đã tổ chức nhiều trận phục kích địch ở Gò Công, Tân An, Mỹ Tho, Chợ Lớn làm cho Pháp bị tổn thất lực lượng rất nhiều.

Sau khi ký hoà ước Nhâm Tuất, triều đình Huế cắt 03 tỉnh miền Đông Nam Kỳ giao cho Pháp. Triều đình vừa phong ông chức Lãnh binh, vừa buộc ông phải chuyển đi nhậm chức ở An Giang và giải tán nghĩa quân chống Pháp. Trước sự nhu nhược của Tự Đức, Trương Định cương quyết chống lại lệnh của triều đình, ở lại Gò Công, Mỹ Tho tiếp tục lãnh đạo nghĩa quân và cùng nhân dân chống Pháp. Nghĩa quân và nhân dân tôn Trương Định làm Bình Tây đại Nguyên soái. Ông là người thương dân chân thành và yêu nước nồng nàn, sẵn sàng chấp nhận gian khổ, hy sinh, quyết tâm chống giặc Pháp xâm lược đến cùng. Trương Định từng tuyên bố: ***“Chúng tôi sẽ lấy lau làm cờ, chặt tầm vông làm vũ khí. Dứt khoát không bao giờ ngừng chống bọn giặc cướp nước”***. Trong tuyên ngôn công bố với triều đình và nhân dân, Trương Định nêu rõ: ***“Từ năm thứ 12 của triều vua Tự Đức (1858), bọn man di tây phương đã xâm nhập xứ này. Chúng tiếp tục gây hấn, lần lượt***

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

chiếm ba tỉnh Gia Định, Định Tường và Biên Hoà. Dân ba tỉnh này đã nếm qua mọi tai ương. Sau đó, một hoà ước đã ký kết với Nguyễn triều chỉ gây thêm lòng phẫn nộ và niềm thất vọng của nhân dân ba tỉnh. Nhân dân ba tỉnh này thiết tha muốn khôi phục địa vị cũ bèn tôn chúng tôi làm lãnh tụ. Vậy chúng tôi không thể dừng làm điều chúng tôi đang làm. Cho nên chúng tôi sẵn sàng chiến đấu ở miền Đông cũng như miền Tây. Chúng tôi sẽ đề kháng, chúng tôi sẽ xông pha và sẽ phá tan lực lượng quân địch... Dân chúng đã nói: Chúng ta chết chứ không chịu làm tôi tớ cho giặc..." Nội dung bản tuyên ngôn thể hiện lập trường và quyết tâm chống Pháp, bảo vệ đất nước của người thủ lĩnh nghĩa quân và của nhân dân Việt Nam.

Lúc này, lực lượng nghĩa quân của Trương Định lên đến gần 6.000 người. Ông được những người chủ chiến ở triều đình, cũng như các nhân sĩ và nhân dân ủng hộ. Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu và Phan Văn Trị, cùng nhiều danh sĩ ở Nam kỳ nhiệt tình ủng hộ Trương Định trong công cuộc chống Pháp. Trương Định đã liên kết được với các lực lượng nghĩa quân của Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân, Võ Duy Dương, Đỗ Đình Thoại... cùng phối hợp tổ chức các trận đánh Pháp. Địa bàn hoạt động của

---

*Những người con tâu tó của núi Ấn sông Trà*

nghĩa quân Trương Định mở rộng từ Gò Công đến Chợ Lớn, Gia Định, từ biển đông đến biên giới Campuchia. Trong tác phẩm *Suvenir de l'expédition de Cochinchine 1861 - 1862*, xuất bản tại Paris năm 1865 đã viết về lực lượng chiến đấu của Trương Định như sau: "*Họ đánh theo kiểu du kích, làm chủ nông thôn. Khi cần tiêu diệt một cứ điểm nào thì họ tập trung lại. Khi tấn công cũng như khi rút lui, họ biết lợi dụng vô số những chướng ngại vật tự nhiên của xứ họ. Một xứ có nhiều sông rạch, rừng bụi, đồng lúa, đầm lầy. Họ kín đáo lánh mình, thỉnh linh xuất hiện, nổ súng tấn công... Làm cho đối phương luôn luôn ở trong thế đề phòng, mệt mỏi, kiệt sức, cuối cùng phải bỏ cuộc chịu thua...*" . Từ căn cứ kháng chiến, nghĩa quân của Trương Định liên tục tấn công các đồn, bốt của Pháp. Lúc này, quân Pháp một mặt huy động lực lượng hùng hậu bao vây căn cứ Gò Công, một mặt dụ hàng Trương Định. Nhưng, ông vẫn một lòng chống Pháp đến cùng.

Ngày 26/02/1863, Pháp mở đợt tấn công vào căn cứ nghĩa quân. Cuộc chiến diễn ra vô cùng ác liệt. Trương Định buộc phải rút quân về Biên Hoà lập căn cứ ở Lý Nhơn và đưa một bộ phận nghĩa quân về Thủ Dầu Một - Tây Ninh để tiếp tục chiến đấu. Cuối năm 1864, trong

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

một trận chiến tại căn cứ Tân Hoà, ông rơi vào vòng vây của quân Pháp. Do sự phản bội của Huỳnh Tấn, tên này trước kia từng theo ông chống Pháp đã rời bỏ hàng ngũ kháng chiến về làm tay sai cho Pháp. Trương Định và lực lượng nghĩa quân quyết tử chiến với giặc. Trong lúc chiến đấu, không may ông bị đạn bắn gãy xương sống. Không để rơi vào tay giặc, Trương Định rút gươm tự sát vào ngày 20/8/1864, để bảo tồn khí tiết khi tuổi đời mới 44 tuổi. Cái chết của Trương Định là tổn thất lớn đối với phong trào kháng chiến chống Pháp của nghĩa quân và nhân dân ta lúc bấy giờ.

Thương tiếc người anh hùng dân tộc, nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã làm 12 bài thơ và 01 bài văn tế khóc người anh hùng:

*“Trời Bến Nghé mây mưa sùi sụt,  
thương đấng anh hùng gặp lúc gian truân  
Đất Gò Công cây cỏ ử ê  
Cảm niệm thân tử, hết lòng trung ái  
Xưa còn làm tướng, giốc rạn ngời hai chữ Bình Tây  
Nay thác theo thần, xin dựng hộ một câu phúc thán...”*

Cuộc khởi nghĩa chiến đấu chống giặc Pháp xâm lược của Trương Định chỉ trong thời gian ngắn từ năm 1859 đến

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

1864 đã trở thành điểm son ngời sáng trong lịch sử dựng nước , giữ nước và chống ngoại xâm của dân tộc ta. Và, Trương Định đã trở thành người thủ lĩnh vĩ đại của nghĩa quân chống giặc Pháp xâm lược.

Từ ngày Trương Định hy sinh vì đất nước đến nay đã tròn 145 năm (1864 - 2009), qua các thời kỳ, có nhiều tác phẩm lịch sử, văn học, báo chí, sân khấu... nói về cuộc khởi nghĩa và vai trò lịch sử của ông - Người anh hùng dân tộc. Cùng với các tác giả là người Việt Nam, còn có rất nhiều tác giả là người Pháp viết về cuộc khởi nghĩa của Trương Định với tất cả lòng khâm phục. Ngay cả Vial - một quan cai trị cao cấp của Pháp thời ấy đã gọi Trương Định là *Nhà đại lãnh tụ của quân khởi nghĩa*.

Đối với nhân dân, đặc biệt là nhân dân Gò Công và miền Nam xem Trương Định là người anh hùng dân tộc. Và, là vị thần bảo hộ cuộc sống của mình. Qua bao đời nay, nhân dân Gò Công đã xây dựng, tu sửa, tôn tạo mộ, đền thờ và dựng tượng Trương Định. Hàng năm, tại Gò Công long trọng tổ chức lễ cúng tế, tưởng nhớ Trương Định. Trước năm 1975, hàng năm, lễ giỗ Trương Định được tổ chức vào ngày 17 và 18 tháng 7 âm lịch. Từ năm 1975 đến nay, hàng năm, vào hai ngày 19 và 20 tháng 8

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Dương lịch, Gò Công đều tổ chức lễ hội Văn hoá anh hùng Trương Định. Đây là một trong những Lễ hội lớn ở miền Nam đất nước. Mục đích của lễ hội Trương Định là hướng về cội nguồn, tưởng nhớ công đức của tiền nhân đối với dân tộc và đất nước. Hằng năm, công chúng đến với lễ hội với tấm lòng ngưỡng mộ anh hùng Trương Định và nhận thức sâu sắc thêm về truyền thống yêu nước, tinh thần chống ngoại xâm của dân tộc ta. Hình tượng Trương Định, người thủ lĩnh vĩ đại của nghĩa quân chống Pháp sống mãi với non sông, đất nước.

**(Bài đã đăng trên:**

- [WWW.vanchuongviet.org](http://WWW.vanchuongviet.org) ngày 12/2/2009
- [WWW.butnghien.vn](http://WWW.butnghien.vn) ngày 15/2/2009
- [WWW.nuiansongtra.net](http://WWW.nuiansongtra.net) ngày 20/4/2009)

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



# **BÀI THƠ TUYỆT MỆNH** **CỦA NGƯỜI THỬ LĨNH NGHĨA HỘI**

*Kim nhật lung trung diệu  
Minh triêu trở thượng ngư  
Thử thân hà túc tích  
Xã tắc ai kỳ khu!*

*(Nay là chim trong lồng  
Mai đã cá trên thớt  
Thân này tiếc gì đâu  
Gian nan tình đất nước!)*

(Bản dịch của Hoàng Tạo)

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

---

Từ năm 1885 đến 2008, trải qua 123 năm, bao thế hệ ở miền Trung nói chung, cũng như ở Quảng Ngãi, nhiều người vẫn nhớ bài thơ tuyệt mệnh của Lê Trung Đình- thủ lĩnh Nghĩa Hội viết trước khi bước lên đoạn đầu đài. Đọc bài thơ tứ tuyệt trên, nhiều người trong chúng ta cảm kích và quý trọng một con người yêu nước. Chỉ với 4 câu thơ cô đọng, thể hiện khí khái hiên ngang, anh hùng và tấm lòng của Lê Trung Đình đối với đất nước.

Trong hoàn cảnh bị thực dân Pháp cầm tù, chuẩn bị đưa đi xử chém. “*Thân cá chậu chìm lòng*”, nhưng dững cảm xem cái chết “*nhẹ tựa lông hồng*”, Lê Trung Đình không tiếc thân mình, chỉ canh cánh nỗi lòng lo cho đất nước, dân tộc trong cảnh lầm than bị quân Pháp xâm lược.

Qua 4 câu thơ của ông, chúng ta nhớ lại thời kỳ đen tối của dân tộc và đất nước, hoàn cảnh bi hùng, khâm phục sự hy sinh vô cùng to lớn của những người yêu nước. Và, càng yêu hoà bình, quý trọng nền độc lập dân tộc, thống nhất đất nước hơn tất cả. Bài thơ “Tuyệt mệnh” của Lê Trung Đình đã đi vào lòng các sĩ phu yêu nước cùng nhân dân qua bao đời nay và mãi mãi.

Là một trong những người đầu tiên lãnh đạo cuộc

kháng chiến chống Pháp tại Quảng Ngãi, Lê Trung Đình sinh vào năm 1862 (?), người làng Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (theo Thái Doãn Hiếu và Hoàng Liên trong tác phẩm Giai thoại kể sĩ Việt Nam: Lê Trung Đình sinh năm 1857). Lúc còn nhỏ, ông đã thông tuệ kinh sử, sớm nổi tiếng về văn chương. Năm 1882, Lê Trung Đình đậu cử nhân.

Thời bấy giờ, Pháp đã đánh chiếm và thiết lập bộ máy cai trị ở toàn bộ miền Nam và miền Bắc đất nước ta. Là một người tính tình cương trực, lo lắng trước sự suy vong của triều đình nhà Nguyễn và của đất nước, Lê Trung Đình chán ngán thi cử và cũng không ra làm quan. Ông âm thầm liên kết với những người cùng chí hướng, vận động thành lập nghĩa hội để chống Pháp. Ông liên hệ với những người yêu nước ở Quảng Nam, Bình Định thành lập nghĩa hội và xây dựng quân đội để nổi lên chống Pháp.

Lúc bấy giờ ở Quảng Ngãi, phong trào nghĩa hội do Lê Trung Đình và Nguyễn Tự Tân lãnh đạo. Ở Quảng Nam, có Hường Hiệu và Bùi Điền phụ trách. Còn ở Bình Định do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo. Nghĩa hội được tổ chức bí mật và được sự ủng hộ của nhân dân miền Trung. Lê

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Trung Đình xây dựng chiến khu ở Tuyền Tung thuộc huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1885, kinh thành Huế thất thủ, vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương. Hưởng ứng lời kêu gọi của vua Hàm Nghi, ngày 1/6 năm Ất Dậu (tháng 7/1885), Lê Trung Đình cùng người phó tướng của mình là Nguyễn Tự Tân đưa nghĩa quân từ chiến khu về đánh chiếm được thành Quảng Ngãi. Phong trào Nghĩa hội thắng lợi, bắt sống bố chánh Quảng Ngãi, ân xá toàn bộ phạm nhân.

Quân Nghĩa hội của Lê Trung Đình chiếm giữ thành Quảng Ngãi được 5 ngày. Nhưng, do Nguyễn Thân phản bội, cấu kết với quân Pháp phản công mạnh vào lực lượng Nghĩa hội.

Ngày 5/6 năm Ất Dậu (1885), Pháp huy động quân sơn phòng từ Ba Tư, Đức Phổ tấn công dữ dội vào thành Quảng Ngãi (lực lượng sơn phòng là lính của Nam Triều do Pháp điều khiển). Lực lượng chênh lệch, lại không có sự phối hợp nhịp nhàng của quân Nghĩa hội từ Quảng Nam và Bình Định nên bị thất thủ. Phó tướng Nguyễn Tự Tân hy sinh tại trận, Lê Trung Đình thủ lĩnh Nghĩa hội bị giặc bắt. Pháp ra sức dụ hàng, nhưng Lê Trung Đình thể

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

hiện tinh thần bất khuất trước kẻ thù. Pháp đã đưa ông đi xử chém vào ngày 18/7/1885. Trước khi hy sinh, Lê Trung Đình để lại cho đời bài thơ tuyệt mệnh, thể hiện tấm lòng của mình đối với đất nước và dân tộc.

Cuộc đời, hành động của Lê Trung Đình là tấm gương sáng về lòng yêu nước, ý chí chống ngoại xâm. Sau cách mạng Tháng Tám năm 1945, có thời tỉnh Quảng Ngãi được đổi tên thành Lê Trung Đình.

**(Bài đã đăng trên:**

- [WWW.vanchuongviet.org](http://WWW.vanchuongviet.org) ngày 25/11/2008
- [WWW.nuiansongtra.net](http://WWW.nuiansongtra.net) ngày 22/3/2009)

## **NHỮNG NGƯỜI LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO DUY TÂN Ở QUẢNG NGÃI**

### *Từ phong trào Cần Vương... đến Duy Tân*

Từ ngày 13/7/1885, hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi, ở trong nước có nhiều cuộc khởi nghĩa nổi lên chống Pháp: Quảng Bình có cuộc khởi nghĩa do Lê Trực, Nguyễn Phạm Tuân; Quảng Nam do Trần Quang Dự, Nguyễn Hàm, Nguyễn Duy Hiệu; Quảng Ngãi có Lê Trung Đình; Bình Định do Mai Xuân Thưởng lãnh đạo; ở Thái Bình có cuộc khởi nghĩa do Tạ Hiện chủ

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

xướng; Thanh Hoá do Đinh Công Tráng; ở Hưng Yên có Nguyễn Thiện Thuật; ở Hà Tĩnh có cuộc khởi nghĩa do Phan Đình Phùng... Đến khi Phan Đình Phùng, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Hương Khê ở Nghệ Tĩnh qua đời vào ngày 28/12/1895, kể như tiếng súng khởi nghĩa của phong trào Cần Vương coi như chấm dứt. Phong trào Cần Vương kéo dài 11 năm, là một phong trào yêu nước, chống thực dân Pháp xâm lược. Tuy thất bại, nhưng phong trào đã nêu cao truyền thống anh hùng, ý chí bất khuất trước kẻ thù xâm lược của dân tộc Việt Nam.

Sau khi phong trào Cần Vương kết thúc, thời điểm này vua cũng như quan lại của Triều đình nhà Nguyễn như những con rối trong tay Toàn quyền, khâm sứ, công sứ của người Pháp. Đất nước rơi vào cảnh đen tối. Nhân dân vô cùng khổ cực.

Lúc bấy giờ những nho sĩ, những người yêu nước luôn luôn trăn trở để tìm ra con đường chống Pháp cứu nước. Ở giai đoạn này, trong nước, xuất hiện nhiều những tác phẩm mang nhiều tư tưởng mới lạ, được gọi là Tân thư. Những tác phẩm của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu (Trung Quốc) và tác phẩm của Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch phổ biến rộng rãi trong tầng lớp sĩ phu... chủ yếu đề

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

cao tư tưởng mới là: Chấn hưng *dân trí, dân khí, hậu dân sinh, cải cách về kinh tế và văn hoá*. Những sĩ phu yêu nước, có tư tưởng tiến bộ đã nhiệt tình tiếp thu trào lưu tư tưởng mới. Năm 1903, ở Trung kỳ, mà chủ yếu là tại tỉnh Quảng Nam, Phan Châu Trinh, một người đỗ Phó bảng từ năm 1901, từ bỏ quan trường, ông đã đề xướng phong trào Duy Tân. Phan Châu Trinh chủ trương dành độc lập dân tộc bằng con đường *bất bạo động*, vận động chấn hưng dân trí, dân khí, hậu dân sinh, hô hào cải cách về kinh tế và văn hoá. Khi thời cơ thuận lợi tiến hành đánh đổ chế độ Phong kiến. Những người lãnh đạo phong trào đã vận động, thành lập trường dạy Quốc ngữ, Thương hội, cơ sở kỹ nghệ và sản xuất nông nghiệp theo mô hình trang trại.

Ở Quảng Ngãi, những người yêu nước, nhiều nhà nho, kể cả những người đang làm quan cho triều đình và Pháp, đã tích cực tham gia phong trào Duy Tân do Phan Châu Trinh đề xướng và lãnh đạo.

### *Những người lãnh đạo*

Ở Quảng Ngãi, phong trào Duy Tân được Lê Đình Cẩn khởi xướng vào năm 1906.

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



Những người lãnh đạo chủ chốt phong trào Duy Tân ở Quảng Ngãi là: Lê Đình Cẩn, Lê Khiết, Nguyễn Sụy, Lê Ngung và Nguyễn Bá Loan...

**Lê Đình Cẩn** sinh năm 1870 quê ở làng La Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Ông đỗ cử nhân được triều đình bổ làm huấn đạo huyện Mộ Đức. Công tác được ít lâu, ông từ quan, trở về nhà làm ruộng. Và, kết giao với các nhân sĩ, tổ chức lãnh đạo phong trào Duy Tân nhằm cứu nước.

**Lê Khiết** (còn có tên **Lê Tự Khiết**) sinh năm 1837, người làng An Ba huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Ông đỗ cử nhân vào năm 1882, được làm quan. Trong thời kỳ làm quan, ông tham gia vào việc đàn áp phong trào yêu nước. Trong quá trình làm quan, va chạm với hoàn cảnh thực tế, cảnh đất nước nhiều nhương, ông sớm tỉnh ngộ. Nhất là khi đọc được tác phẩm “*Việt Nam vong quốc sử*” của Phan Bội Châu lên án bọn tay sai bán nước, Lê Khiết giác ngộ và từ quan vào năm 1902. Từ đó, ông tham gia vào phong trào yêu nước ở quê hương Quảng Ngãi do Lê Đình Cẩn, Nguyễn Bá Loan, Nguyễn Sụy... lãnh đạo.

**Nguyễn Sụy** (còn có tên gọi là **Nguyễn Thụy**), sinh năm 1863 tại làng Hồ Tiểu, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng

Ngãi. Xuất thân trong một gia đình nho học yêu nước, năm 1903, đậu cử nhân nhưng ông không ra làm quan. Nguyễn Sụy là một người học rộng, ông giao du, kết thân với nhiều người đồng chí hướng. Nguyễn Sụy tích cực tham gia và lãnh đạo phong trào Duy Tân ở Quảng Ngãi.

**Lê Ngung** người làng Đông Phước, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (chưa rõ năm sinh). Ông là người văn võ song toàn, tính tình khảng khái. Năm 1906, Lê Ngung đã tham gia Duy Tân Hội.

**Nguyễn Bá Loan** sinh năm 1857, tại làng Lạc Phố, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Ông là con trai của Nguyễn Bá Nghi, quan tổng đốc dưới triều Tự Đức.

Lê Đình Cẩn, Nguyễn Bá Loan cùng với Nguyễn Sụy, Lê Khiết, Lê Ngung là những nhân vật được xem như lãnh tụ phong trào Duy Tân ở quê hương núi Ấn, Sông Trà.

Trong thời điểm này (1904), trong nước, Phan Bội Châu cùng Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Thành, Đặng Thái Thân, Đặng Tử Kính... thành lập **Duy Tân Hội** với mục đích, tôn chỉ là: Khôi phục Việt Nam độc lập. Phan Bội Châu cùng các đồng chí của mình tổ chức phong trào **Đông Du**, đưa người sang Nhật Bản học về khoa học

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

kỹ thuật, quân sự..., nhằm tiến hành con đường bạo lực, đánh Pháp để giành độc lập cho đất nước.

Do có phần ảnh hưởng phong trào **Duy Tân Hội**, nên phong trào Duy Tân ở Quảng Ngãi vừa có nét chung của phong trào Duy Tân ở Quảng Nam do Phan Châu Trinh lãnh đạo, vừa có nét riêng biệt của địa phương Quảng Ngãi. Đó là: Những người lãnh đạo phong trào Duy Tân ở Quảng Ngãi đề ra ba mục đích lớn: bài trừ những tệ đoan xã hội, nếp sống bê tha vô đạo, vận động những người làm việc cho Pháp trở về với nhân dân, đất nước. Và, cô lập những phần tử tay sai thân Pháp. Liên hệ với Duy Tân Hội do Phan Bội Châu lãnh đạo, chờ thời cơ tiến tới đấu tranh vũ trang, giành lại chủ quyền cho đất nước và dân tộc. Phong trào chủ trương đoàn kết các tầng lớp nhân dân. Vận động, tổ chức những công việc thiết thực như: Mở trường dạy học chữ Quốc ngữ, lập hội buôn, hội cày. Hô hào cổ vũ mọi người cắt tóc ngắn, chống hủ tục, chống tệ nạn hà hiếp nhân dân. Phong trào được các nhà nho, nhân sĩ, đông đảo nhân dân hưởng ứng ủng hộ, tham gia.

Đầu năm 1908, những người lãnh đạo phong trào đề ra chủ trương và thực hiện cuộc vận động “**chống thuế, cự sưu**”. Nhân dân đã hưởng ứng rất nhiệt tình. Thực dân

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Pháp lo sợ có chính biến. Chúng dỡ thủ đoạn, âm mưu bắt cầm tù người có vai trò quyết định đối với phong trào, hồng dập tắt phong trào chống Pháp. Thế là, công sứ Daudet vin cơ Lê Đình Cẩn “*đả mạ thượng quan*” ra lệnh bắt Lê Đình Cẩn cầm tù ở Sơn Hà. Những người đồng chí hướng với Lê Đình Cẩn vẫn tiếp tục lãnh đạo và đẩy phong trào “chống thuế, cự sưu” lên đỉnh cao.

Tháng 3 năm Mậu Thân (1908), nhân dân 06 huyện trong tỉnh Quảng Ngãi hăng hái tham gia chống thuế. Hàng vạn người đi chân trần, mặc áo rách, đội nón cời thể hiện cảnh đói khổ vì sưu cao, thuế nặng, rầm rập kéo nhau biểu tình, bao vây cơ quan đầu tỉnh của Pháp và tay sai, yêu cầu nhà cầm quyền phải giảm thuế cho dân.

Ở thời điểm này, các tỉnh ở miền Trung, từ Thanh Hoá đến Bình Thuận đồng loạt nổi lên biểu tình chống thuế. Thậm chí có nơi, nhân dân còn bao vây nhà riêng của quan chức để đưa yêu sách.

Trước khí thế của quần chúng dâng cao, chính quyền Pháp và quan lại Nam triều lo sợ. Viên công sứ Daudet đứng đầu tỉnh Quảng Ngãi ra chiêu bài mời những người lãnh đạo phong trào chống thuế vào công đường tỉnh để

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

thương lượng. Ngày 07/4/1908, Lê Khiết vào tỉnh đường để gặp viên công sứ. Thế là, chúng trở mặt, ra lệnh bắt giam Lê Khiết.

Ngay sau khi bắt được Lê Khiết, Pháp cho quân lính tấn công vào đoàn người biểu tình xin miễn thuế. Nhiều người dân bị chết, hàng trăm người bị thương. Cuộc biểu tình bị đàn áp rất tàn bạo! Số người bị bắt quá nhiều, Pháp gông ba, bốn người vào một gông đưa đi phơi nắng, hành hạ một cách dã man. Quan quân người Pháp và tay sai Nam triều truy bắt được Nguyễn Bá Loan, Nguyễn Suy và nhiều người khác. Như vậy, những người chủ chốt lãnh đạo phong trào Duy Tân ở Quảng Ngãi đều đã bị bắt!. Pháp và quan lại Nam triều ra sức thuyết phục, dụ hàng Lê Khiết, Nguyễn Bá Loan và Nguyễn Suy. Nhưng, cả ba người đều từ chối, cương quyết không đầu hàng và hợp tác với Pháp. Biết không thể nào lay chuyển ý chí và mua chuộc được những con người yêu nước. Chính quyền Pháp đưa Nguyễn Suy đi đày tận nhà tù Côn Đảo. Lê Ngung đang cùng với những người cùng chí hướng ở Quảng Nam thực hiện cuộc vận động chống thuế. Nhưng ông bị địch bắt tại Hội An vào ngày 23/10/1908 và bị kết án tù 6 năm, đưa về giam ở nhà tù Quảng Ngãi.

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Ngày 23/4/1908, Pháp đưa Lê Khiết, Nguyễn Bá Loan đi xử chém tại bờ xe nước bên dòng sông Trà phía đông thành Quảng Ngãi. Trước khi lên đoạn đầu đài, Lê Khiết vẫn bình thản nói lên tâm sự của mình: **“cái vết như lịch sử nửa đời người của tôi, nay lấy máu cổ mà rửa, vinh hạnh biết chừng nào”**. Lê Khiết là tấm gương sáng đối với những người lầm lỡ theo giặc, cuối cùng giặc ngộ, tham gia việc lớn của đất nước, hy sinh vì đại nghĩa. Nhà nho Đặng Đoàn Bằng đã làm thơ điếu ông:

*“Mê đồ quán quán ngộ thanh niên  
Mộng lý cừ nhiên hốt cảnh phiên  
Dược thạch sở ngôn không túc bệnh  
Đầu lô nhất trích bỏ tiền khiên  
Ba đào thiệt dễ chân thành hải  
Vân vụ tình dư tiền kiến thiên  
Tất cánh nhân sinh đô hữu tử  
Lưu phương di xú kháng thùy hiên”*

*(Lầm đường đã trót buổi đầu xanh  
Tỉnh giấc chiêm bao bỗng giật mình  
Mở miệng chữa lành căn bệnh cũ  
Roi đầu rửa sạch lỗi bình sinh*

---

*Những người con út tú của núi Ấn sông Trà*

*Lười như sống bể dương cuộn cuộn  
Nắng lại mây trời đã sạch sanh  
Âu cũng là người đều phải chết  
Đẻ thơm, để thói hỏi ai vinh?)*

Bản dịch của Nguyễn Q. Thắng - Nguyễn Bá Thế.

Ở trong tù, Lê Đình Cẩn nghe tin những người đồng chí hướng với mình bị giặc Pháp xử chém, ông đã làm một bài thơ nói lên tâm sự của mình và ý chí của những người yêu nước:

*“Cố quốc sơn hà trọng  
Tân triều thế lực khinh  
Hùng tâm vong đĩnh hoạch  
Tố mạng đoản nghê kinh  
Dục hiện Cao trường khắp  
Ninh tri Cát bất thành  
Tùng niên lưu nhiệt huyết  
Đồng loại hấp vãn minh”*

*(Non sông ơn vẫn nặng  
Sóng gió cuộc vừa xoay  
Vạc lửa lòng quên sợ  
Tăm kinh mạng đuổi ngay*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

***Khóc đời Cao chưa chán \****  
***Hồng việc Cát nào hay \*\****  
***Máu nóng đầu trôi chảy***  
***Văn minh hấp cả bầy)***

Bản dịch của **Minh Viên** Huỳnh Thúc Kháng.

\* Cao sơn chính Chi. \*\* Cát điền tùng Ấm (hai nhân vật Duy Tân của Nhật Bản).

Lê Đình Cẩn tuy bị Pháp giam cầm, nhưng ông vẫn chú tâm theo dõi tình hình của đất nước. Và, viết những vần thơ đầy hào khí, tin tưởng vào ngày mai tươi sáng của đất nước. Trong cảnh tù đầy bị đối xử khắc nghiệt, Lê Đình Cẩn lâm trọng bệnh, ông từ trần vào mùa đông năm Giáp dần - 1914.

Nhân dân Quảng Ngãi kính phục và vô cùng thương tiếc: Lê Đình Cẩn, Nguyễn Bá Loan, Lê Khiết những con người yêu nước. Sau cách mạng Tháng 8 năm 1945, ở Quảng Ngãi có ngôi trường Trung học mang tên Lê Khiết. Và, sau năm 1975, ở thị trấn Sông Vệ có một trường THCS mang tên Lê Khiết. Ở xã Đức Nhuận huyện Mộ Đức cũng có một ngôi trường THCS mang tên Nguyễn Bá Loan.

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



## *... Đến cuộc khởi nghĩa Duy Tân*

Những năm tháng bị tù đầy, Nguyễn Thụy vẫn giữ được chí hướng cách mạng. Năm 1913, mãn hạn tù trở về quê hương, ông liên lạc với Trần Cao Vân, Thái Phiên... tham gia Việt Nam Quang Phục Hội. Đến năm 1914, Lê Ngung được ra khỏi nhà tù, liền gia nhập Việt Nam Quang Phục Hội, cùng hoạt động với Nguyễn Thụy.

Ảnh hưởng cuộc cách mạng Tân Hợi năm 1911 của Trung Quốc, Phan Bội Châu đã chuyển hướng hoạt động của Duy Tân Hội bằng cách thành lập Việt Nam Quang phục Hội vào tháng 2/1912. Đây thực sự là tổ chức Đảng chính trị, với tôn chỉ là chống Pháp giành độc lập cho đất nước. Trần Cao Vân, Thái Phiên, Lê Đình Dương, Lê Ngung... là những đảng viên cốt cán của Việt Nam Quang phục Hội. Và, cũng là những nhân vật nổi tiếng trong nước.

Lợi dụng tình hình chiến tranh Châu Âu bùng nổ ngay trên đất Pháp. Cuối năm 1915, Pháp thua trận, quân Đức tấn công vào Paris. Việt Nam Quang phục Hội tổ chức cuộc khởi nghĩa do Vua Duy Tân lãnh đạo. Nguyễn Thụy được cử bí mật gặp Vua Duy Tân để trình bày kế hoạch khởi nghĩa.

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Tháng 9 năm Ất Mão (1915), tại Đông Ba (Huế), một cuộc họp lịch sử đã diễn ra trong những nhân vật chủ chốt của 05 tỉnh miền Trung. Gồm: Nguyễn Chánh (*Quảng Bình*), Phạm Phú Tiên (*Quảng Trị*), Đoàn Bổng (*Thừa Thiên*), Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài, Đỗ Tự (*Quảng Nam*), Nguyễn Sụy, Lê Triết, Lê Ngung, Nguyễn Mậu (*Quảng Ngãi*). Cuộc họp quan trọng này do Thái Phiên chủ trì, thống nhất chương trình, kế hoạch khởi nghĩa. Cuộc họp phân công: Thái Phiên và Trần Cao Vân tiếp xúc với Vua Duy Tân, nhận chiếu chỉ của Vua kêu gọi khởi nghĩa, định ngày khởi nghĩa vào lúc 01giờ sáng ngày 3/5/1916. Ủy ban khởi nghĩa được thành lập: Thái Phiên làm Chủ tịch, Trần Cao Vân phụ trách quân sự. Các ủy viên gồm có: Phan Thành Tài, Đỗ Tự, Lê Ngung, Nguyễn Sụy, Phạm Cao Chấm. Nguyễn Sụy được giao chỉ huy quân sự Quảng Ngãi.

Nguyễn Sụy và các đồng sự đã bí mật vận động được phần đông nhân sĩ, nhân dân và binh lính tham gia. Tại Quảng Ngãi có 1/3 binh lính người Việt trong quân đội của Pháp tham gia khởi nghĩa.

Tất cả đều chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc khởi nghĩa. Tại kinh thành Huế, đêm ngày 2/4/1916, Tôn Thất Đền,

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Nguyễn Siêu cùng 02 thị vệ tín cẩn phò Vua Duy Tân bí mật xuất cung, để lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.

... Nhưng, cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân cũng rơi vào tình cảnh bi đát như những cuộc khởi nghĩa thời bấy giờ. Nguyên nhân là do những hạn chế về nghệ thuật lãnh đạo, không giữ được bí mật đến giờ phút cuối cùng. Và, việc lộ bí mật của kế hoạch khởi nghĩa lại xảy ra tại Quảng Ngãi. Khi nắm được tình hình, Tastes công sứ Pháp tại Quảng Ngãi đã nhanh chóng điện báo cho Charles khâm sứ Huế. Đồng thời, đưa quân truy bắt những người khởi nghĩa ở Quảng Ngãi. Thái Phiên, Trần Cao Vân và nhiều nhân vật chủ chốt đều bị bắt tại Huế. Vua Duy Tân cũng bị Pháp bắt tại chùa Thiên Mụ vào ngày 6/5/1916, đến ngày 3/11/1916, Vua bị lưu đày đi Réunion (ở Đông Nam Châu Phi). Ngày 17/5/1916, Thái Phiên, Trần Cao Vân và nhiều người trong đội Thị vệ của vua Duy Tân bị xử chém tại Huế. Sau đó, Phan Thành Tài và hàng chục chiến sĩ Việt Nam Quang Phục Hội ở Quảng Nam cũng bị tử hình.

Riêng Nguyễn Sụy cùng Lê Ngung, Lê Triết, Hứa Thọ, Mai Tuấn, Nguyễn Mậu và nhiều đồng sự của ông bị Pháp xử chém bên bờ Sông Trà gần cửa Bắc thành Quảng Ngãi vào chiều ngày 10/5/1916. Trước khi bị hành hình, Nguyễn Sụy vẫn bình thản ứng khẩu hai câu thơ:

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

***“Sinh Việt Nam, sinh tuyệt hư danh  
Tử Tây Phương, tử tôn danh tiết”***

Ngay sau khi Nguyễn Sụy và những người đồng sự của mình hy sinh, đồng bào Quảng Ngãi đều vô cùng kính phục và thương tiếc. Nhiều người bí mật quyên góp làm lễ truy điệu và để tang cho người chí sĩ cách mạng. Cảm kích về cái chết quang vinh và đầy bi thiết của Nguyễn Sụy, sau này, Huỳnh Thúc Kháng đã làm thơ khóc ông:

***“Sao chìm gió lộng cảnh buồn teo  
Núi khóc giông rền vắng cạp beo  
Một thốt đầu lô đầy bụng huyết  
Bến Trà cơn giận sóng còn reo”***

Từ năm 1906 đến 2009, hơn 100 năm nhìn lại, chúng ta đều có chung nhận định: Từ trong thời kỳ triều đại phong kiến suy yếu, phong trào Duy Tân đánh dấu sự chuyển mình của đất nước, dân tộc và xã hội Việt Nam. Từ ***phong trào Duy Tân*** đến ***Duy Tân Hội***, đến ***Việt Nam Quang Phục Hội***, đến cuộc ***khởi nghĩa Duy Tân*** là những cuộc vận động cách mạng liên tục, thể hiện ý chí đấu tranh, kiên cường bất khuất của cả dân tộc Việt Nam, với quyết tâm giành độc lập cho dân tộc và đất nước.

---

***Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà***

Trên quê hương Quảng Ngãi, Lê Đình Cẩn, Lê Khiết, Nguyễn Bá Loan, Nguyễn Sụy, Lê Ngung... là những người đi đầu lãnh đạo phong trào Duy Tân chống pháp, đem máu xương của mình để góp phần dành lại độc lập, tự do cho đất nước và dân tộc. Công lao và hình ảnh hy sinh bi hùng cho Tổ quốc của những người con ưu tú quê hương Núi Ấn Sông Trà mãi mãi sống trong lòng dân tộc và đất nước mến yêu!

(Bài đã đăng trên: [WWW.vanchuongviet.org](http://WWW.vanchuongviet.org) ngày 17/4/2009)

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

---



## *Phạm Văn Đồng*

*Một tâm vóc lớn của Việt Nam trong thế kỷ 20*

**V**ới 94 tuổi đời, trải qua 70 năm hoạt động cách mạng phục vụ đất nước và nhân dân, có 32 năm làm thủ tướng Chính phủ - Cuộc đời hoạt động của Phạm Văn Đồng gắn liền với những sự kiện trọng đại của đất nước và dân tộc trong suốt thế kỷ 20. Trước đức độ, tài năng và những cống hiến to lớn của Phạm Văn Đồng cho sự nghiệp cách mạng, cho đất nước và nhân dân. Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng đã viết: *"Phạm Văn Đồng là một tâm vóc lớn của Việt Nam trong thế kỷ 20, một người*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

*đức độ, kết dính những người Việt Nam với nhau, đồng thời cũng là một sứ giả đủ quyền giao tiếp năm châu bốn biển... ”. Giáo sư - Tiến sĩ Mai Quốc Liên cũng đã từng viết những lời đầy trân trọng về ông: “**Phạm Văn Đồng - người kiến tạo thế kỷ 20 của Việt Nam**”.*

Phạm Văn Đồng sinh ngày 01 tháng 03 năm 1906 trong một gia đình công chức tại xã Đức Tân, huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi.

Năm 1925, tham gia phong trào học sinh bãi khoá để tang cụ Phan Chu Trinh. Năm 1926, Phạm Văn Đồng đi Quảng Châu (Trung Quốc) dự lớp huấn luyện do đồng chí Nguyễn Ái Quốc tổ chức và được kết nạp vào Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội.

Cuối năm 1927, từ Trung Quốc về nước, tham gia hoạt động cách mạng ở Sài Gòn. Đầu năm 1929, ông được cử vào Kỳ bộ Thanh niên Nam Kỳ, sau đó vào Tổng bộ Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Tháng 5/1929, được cử đi Hương Cảng (Trung Quốc) dự Đại hội Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Tháng 7/1929, Phạm Văn Đồng trở về Sài Gòn hoạt động cách mạng bị thực dân Pháp bắt, kết án tù 10 năm và bị đày đi nhà lao Côn Đảo.

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Tháng 7/1936, do thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp, chính quyền thực dân Pháp buộc phải trả quyền tự do cho Phạm Văn Đồng. Sau đó, ông ra Hà Nội tham gia hoạt động công khai.

Tháng 5/1940, đi Côn Minh (Trung Quốc) gặp Nguyễn Ái Quốc. Tại đây, ông được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương, rồi tham gia hoạt động cách mạng ở Liễu Châu, Tỉnh Tây (Trung Quốc).

Đầu năm 1941, được cử về Cao Bằng xây dựng căn cứ địa cách mạng ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn.

Tháng 8/1945, Phạm Văn Đồng dự Đại hội Quốc dân ở Tân Trào (tỉnh Tuyên Quang) và được bầu vào Ủy ban giải phóng dân tộc. Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập, ông được cử làm Bộ trưởng Bộ Tài chính .

Tháng 1/1946, được bầu làm đại biểu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Ngày 16/4/1946, Phạm Văn Đồng được cử làm Trưởng phái đoàn thân thiện của Quốc hội Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đi thăm Cộng hoà Pháp. Cuối tháng 5/1946, được cử làm Trưởng phái đoàn Chính phủ Việt Nam Dân



chủ Cộng hoà đàm phán với Chính phủ Cộng hoà Pháp tại Hội nghị Fontainebleau (Pháp).

Trước ngày 19/12/1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ, được cử làm đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại miền Nam Trung Bộ.

Năm 1947, ông được bổ sung làm Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Năm 1949, được bổ sung làm ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tháng 8/1949, được cử làm Phó Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Tháng 2/1951, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, ông được bầu làm ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng và được Ban Chấp hành Trung ương Đảng bầu làm ủy viên Bộ Chính trị.

Tháng 5/1954, được cử làm Trưởng đoàn Đại biểu Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà dự Hội nghị Genève về Đông Dương.

Tháng 9/1954, được cử làm Phó Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, Trưởng ban Đối ngoại của Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương bầu làm Ủy viên Bộ

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Chính trị và tiếp tục được cử giữ chức Thủ tướng Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng.

Tháng 12/1976, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị và tiếp tục được cử giữ chức Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng.

Tháng 7/1981, là Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng.

Tháng 3/1982, tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được Ban Chấp hành Trung ương bầu làm Ủy viên Bộ Chính trị và tiếp tục được cử giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ Trưởng nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng.

Tại Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng các khoá VI, VII, VIII, được Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khoá đó cử làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương.

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Tháng 12/1997, theo đề nghị của ông và được Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII chấp nhận, được kết thúc nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương. Phạm Văn Đồng được liên tục bầu làm đại biểu Quốc hội từ khoá I (1946 - 1960) đến khoá VII (1981 - 1987).

Do tuổi cao, bệnh nặng, Phạm Văn Đồng từ trần vào lúc 23giờ 10 phút ngày 29/4/2000 tại Hà Nội.

Sau khi Phạm Văn Đồng đi về thế giới của những người hiền, giáo sư sử học Trần Văn Giàu đã có những nhận xét chân thành, xác đáng và sâu sắc về ông: *“Thủ tướng Phạm Văn Đồng có hai điều lớn để lại cho tất cả chúng ta và dân tộc. Theo tôi, thứ nhất: đây là con người có chính khí cao, thứ hai: đây là con người có nhân cách gần như trọn vẹn, nhân cách cao lắm. Ông là người có chính khí cao và nhân cách cao. Con người ta có thể làm quan rất lớn, có thể làm giàu rất to. Nhưng cái quý nhất ở con người ta - nhất là ở con người có cuộc đời dài mấy mươi tuổi, mà giữ được điều đó, giữ được chính khí cao và nhân cách trọn vẹn là khó lắm. Nếu có một con người giữ được, nhất là người đó có quyền, có chức cao và lâu, thì đó là Phạm Văn Đồng. Ông giữ được cuộc đời trong sáng hoàn toàn, không có một tí*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

---

vết nào, ông là một con người tiêu biểu. Nếu trong bộ máy đoàn thể, bộ máy chính quyền của chúng ta mà ai cũng theo được cái liêm, cái chính của ông thì là một hạnh phúc lớn của dân tộc. Trong sáng, rất trong sáng. Ông Đồng là một trong số ít người mà cuộc đời không có tí vết nào cả...”.

Phạm Văn Đồng là nhà hành pháp, lãnh đạo, điều hành kinh tế, tài chính, ngoại giao và là nhà văn hoá xuất sắc. Ở cương vị nào, lĩnh vực nào, ông cũng đem hết tâm huyết phục vụ cho sự nghiệp cách mạng, phục vụ đất nước và nhân dân: **“Sống để làm việc”** đó là nhân sinh quan, là khẩu hiệu hành động của Phạm Văn Đồng. Mặc dầu bận trăm công nghìn việc chính sự, Phạm Văn Đồng vẫn giành thời gian viết báo, viết sách. Ông viết về Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu... những danh nhân văn hoá của đất nước. Với lối viết chính luận, sâu sắc, Phạm Văn Đồng đã làm cho nhà văn, các học giả và bạn đọc thán phục. Phạm Văn Đồng là người bạn lớn của nhiều học giả, triết gia, văn nghệ sĩ. Đề tài mà Phạm Văn Đồng quan tâm sâu sắc và được thể hiện trong các tác phẩm của ông là về: Hồ Chí Minh, về Đảng Cộng sản Việt Nam, về sự trong sáng của tiếng việt, về giáo dục, văn hoá...

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Chúng ta vô cùng kính ngạc và kính phục sự uyên bác và sức làm việc của Phạm Văn Đồng. Trong 10 năm cuối của cuộc đời (kể từ năm 1990), sức khoẻ yếu, thị lực kém, nhưng với tầm nhìn chiến lược, ông đã viết đến 08 tác phẩm (gồm các đề tài mà ông hằng trăm trở, canh cánh bên lòng) về Hồ Chí Minh, về văn hoá - giáo dục... về Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phạm Văn Đồng đã để lại cho đời những tác phẩm giá trị gồm:

- Tổ quốc ta, nhân dân ta và sự nghiệp của người nghệ sĩ.
- Hồ Chí Minh - tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại.
- Hồ Chí Minh một con người, một dân tộc, một thời đại, một sự nghiệp (1990).
- Hồ Chí Minh hình ảnh của dân tộc (1984).
- Hồ Chí Minh quá khứ, hiện tại và tương lai (1991).
- Phạm Văn Đồng tuyển tập văn học (1996).
- Văn hoá và đổi mới (1994).
- Vấn đề giáo dục - đào tạo.

- Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh (1998).

- Một số vấn đề cần quan tâm về giáo dục Đại học nước ta hiện nay (1999).

- Giáo dục, quốc sách hàng đầu, tương lai của dân tộc (1999).

- Nêu cao danh hiệu Đảng Cộng sản Việt Nam, đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (1999).

- Vì sự trong sáng và phát triển của Tiếng Việt (1999).

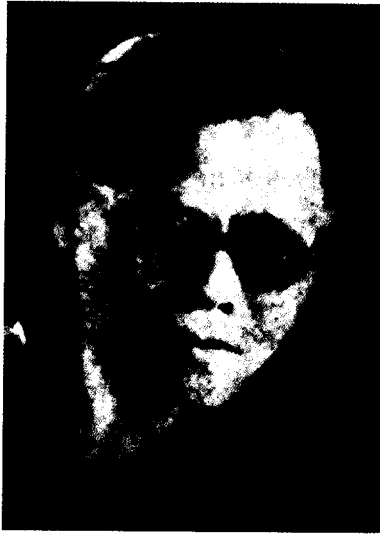
Phạm Văn Đồng là một trong những người lãnh đạo kiệt xuất của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà- nay là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là tấm gương cao đẹp của người Cộng sản, một danh nhân văn hoá suốt đời phục vụ nhân dân và đất nước.

Vùng đất nghèo khó Quảng Ngãi tự hào đã sinh ra Phạm Văn Đồng, người đã làm rạng danh quê hương, đất nước Việt Nam.

(Bài đã đăng trên báo Bình Thuận ngày 27/4/2009)

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



*Nguyễn Vỹ*  
*Nhân chứng của một thời*

**Q**ua tác phẩm của những nhà thơ, nhà văn, chúng ta thấy họ là những nhân chứng của thời đại. Nhà thơ Nguyễn Vỹ là một trong những nhân chứng của một thời đại mà ông đã từng sống.

Nguyễn Vỹ sinh năm 1910, trong một gia đình nhà Nho có truyền thống yêu nước ở làng Tân Phong (Tân

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

---

Hội), huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Nguyễn Vỹ là một người đa tài, suốt đời sống bằng nghề văn và báo chí. Ông ký nhiều bút danh: Tân Phong, Lệ Chi, Cô Diệu Huyền, Tâm Trí... Từ những năm đầu thập niên 30 của thế kỷ 20, Nguyễn Vỹ đã xuất hiện trên văn đàn, tham gia viết trên tạp chí Văn học, Tiểu thuyết thứ Năm, Hà nội báo, Phụ nữ... ở Hà Nội. Và, là một cây bút chính luận sắc sảo trên các tờ báo thời bấy giờ như: Le Sygne, L'ami du peuple, La patrie Annamite...

Thừa hưởng truyền thống yêu nước của gia đình, dòng họ, Nguyễn Vỹ đã thể hiện tư tưởng chống Pháp, chống phong kiến và chống cả Nhật Bản trong những bài báo của mình. Chính vì vậy, năm 1937, ông bị nhà cầm quyền bắt giam 6 tháng tù ở Hà Nội vì một bài báo chống Pháp. Năm 1940, ông lại bị Nhật Bản bắt cầm tù ở Phú Yên. Năm 1945 mới được tự do. Từ năm 1946, ông sống ở Sài Gòn. Nguyễn Vỹ đã sáng lập và điều hành nhiều tờ báo: Dân ta, Bông lúa, Tạp chí Phổ thông, Tuần báo thiếu nhi Thăng Bờm...

Nguyễn Vỹ bị tai nạn giao thông tại Long An, qua đời vào ngày 4/2/1971. Ông để lại cho đời nhiều tác phẩm với

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



nhiều thể tài phong phú, đa dạng, phải nói là đồ sộ: Về thơ có: *Tập thơ đầu – Premières Poésies* (1934, thơ Việt - Pháp), *Hoang vu* (1962). Truyện ngắn: *Vinh và nhục của Nguyễn Văn Nguyên* (1936). Tiểu thuyết gồm có: *Đứa con hoang* (1938), *Người yêu của hoàng thượng* (1938), *Thi sĩ Kỳ Phong* (1938), *Chiếc bóng* (1941), *Dây bí rợ* (1957), *Chiếc áo cưới màu hồng* (1957), *Hai thiêng liêng* (1957), *Mồ hôi nước mắt* (1965). Chính luận viết bằng tiếng Pháp: *Kẻ thù là Nhật Bản* (1938), *Cái họa Nhật Bản* (1938), *Tấn kịch Việt - Pháp* (1947). Biên khảo: *Những người đàn bà lừng danh trong lịch sử* (1970). Chứng tích thời đại: *Tuấn, chàng trai nước Việt* (1970), *Văn thi sĩ tiền chiến* (1970). Thơ trào phúng, các tập Tiểu phẩm hài gồm có: *Thơ lên ruột* (1970), *Mình ơi!* (1970), *Buồn muốn khóc lên* (1970).

Nguyễn Vỹ là nhà thơ, nhà văn và là nhà báo lão thành trong làng báo miền Nam. Ông được người đời công nhận là một nhà báo dám nói lên sự thật. Về văn, Nguyễn Vỹ chuyên viết tiểu thuyết xã hội. Nhà văn - Nhà phê bình văn học Vũ Ngọc Phan nhận định về tiểu thuyết của Nguyễn Vỹ như sau: “*Ông là một người giàu tình cảm, nhìn cuộc đời bằng con mắt bi quan, trái tim ông rung động khá nhiều...*”. Cùng với tiểu thuyết và các thể tài khác,

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Nguyễn Vỹ trước sau vẫn là một nhà thơ. Ông thật sự nổi tiếng về thơ. Từ năm 1941, mặc dù có những nhận định có phần khắt khe về Nguyễn Vỹ, nhưng cả Hoài Thanh - Hoài Chân và Vũ Ngọc Phan đều phải công nhận: “*Nguyễn Vỹ là người có tài về thơ*”.

Nhiều thế hệ yêu thích bài “**Sương rơi**” và “**Gởi Trường Tửu**” của Nguyễn Vỹ. Hoài Thanh - Hoài Chân cho rằng 2 bài thơ này thật sự là kiệt tác của Nguyễn Vỹ. Hai bài thơ trên Nguyễn Vỹ viết với phong cách khác nhau. Ông đã tạo ra nhạc điệu riêng trong “**sương rơi**”. Với bài “**Gởi Trường Tửu**”, theo thể thất ngôn trường thiên, Nguyễn Vỹ viết trong cơn say với tâm trạng bi phẫn, u uất:

“...  
*Thời thế bây giờ vẫn thấy khó  
Nhà văn An Nam khổ như chó  
Mỗi lần cầm bút nói văn chương  
Nhìn đàn chó đói gặm trơ xương...”*

Lời thơ thống thiết, nói lên nỗi khổ của văn thi sỹ và những người làm báo trong bối cảnh đất nước bị thực dân Pháp cai trị.

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Trên con đường thi ca, Nguyễn Vỹ đã từng viết:

*“Ta hãy truyền một thi hứng mới cho thế kỷ hai mươi  
Ta hãy ký thác trong vần thơ những tình sâu ý hiểm”.*

Hai câu thơ trên như một tuyên ngôn về thơ của Nguyễn Vỹ. Và, ông đã có những sáng tạo mới lạ, đầy táo bạo trong thơ. Nguyễn Vỹ là người đề xướng trường phái thơ Bạch Nga trên tạp chí tiểu thuyết Thứ Năm ở Hà Nội trong thập niên 30 của thế kỷ 20. Nguyễn Vỹ đã viết những câu thơ 2 chữ và 12 chữ (Có người gọi là câu thơ 12 chân). Sau này trên tạp chí Phổ Thông xuất bản ở Sài Gòn, Nguyễn Vỹ tiếp tục đề xướng trường phái thơ Bạch Nga và thể thơ hình đối xứng. Bài thơ mang dạng hình học, các hình ảnh ngộ nghĩnh, đầy mới lạ (Thơ hình đối xứng là lấy câu giữa của bài thơ làm trục đối xứng của những câu thơ theo thứ tự đầu và cuối của toàn bài thơ. Những bài thơ, nhìn toàn bài sau khi viết hoặc in trên giấy giống như những bức họa, hoặc có hình lục lăng, tứ giác, hình thoi...). Trường phái mới lạ này đã thoát ly khỏi những quy tắc thể thơ cổ truyền. Sau Nguyễn Vỹ, chúng ta còn bắt gặp nhiều bài thơ “lạ” như thế của Phan Phụng Văn, Ngô Hữu Đoàn và nhiều cây bút khác.

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Trước khi bị tai nạn giao thông qua đời đúng một năm, Nguyễn Vỹ viết bài thơ “*Quảng Ngãi, quê hương tôi*”. Lời thơ tha thiết, ý thơ hùng hồn, Nguyễn Vỹ đã khắc họa được những nét đặc trưng tiêu biểu về đất và người quê hương núi Ấn sông Trà:

“... ”

*Quảng Ngãi - quê hương tôi*

*Nhiệm mầu guồng xe nước*

*Tha thướt chập chùng*

*Lên men đồng lúa mướt*

*Lả lướt mênh mông*

*Quảng Ngãi - quê hương tôi*

*Thương thương làn mây trôi*

*Mơ cảnh đồi Thiên Ấn*

*Vương vương sâu tơ nắng*

*Nét Bút vùng phương khô*

*Quảng Ngãi - quê hương tôi*

*Dòng sông rạo rục*

*Lưng Rồng uốn khúc*

*Rực rỡ ánh dương ngời*

*Trùng trùng gấm vóc*

*Huyết lệ sử dân Hồi*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

*Từ Chiêm Thành khai quốc  
Dâng về ngôi Đại Việt  
Trọn ân tình Chúa, Tôi  
Quảng Ngãi - quê hương tôi  
Dân tình bất ly  
Dân trí bất nhược  
Dân đức bất suy  
Dân tâm bất khuất  
Khí thiêng nung đúc  
Văn chương kiệt phách hào hoa  
Bất chấp cường quyền, uy vũ  
...”*

Cùng với sự nghiệp thơ, có một tác phẩm của Nguyễn Vỹ được nhiều người yêu thích và đánh giá cao, đó là tác phẩm “*Tuấn, chàng trai nước Việt*”. Tác phẩm này trước khi in thành sách trọn bộ 2 tập được đăng tải từng kỳ trên tạp chí Phổ Thông đã thu hút được dóm đảo người đọc. Hình minh họa trong tác phẩm là một người thanh niên khôi ngô, tuấn tú, mặc chiếc áo dài cổ truyền, đầu đội mũ cối rộng vành đã trở thành thân thuộc với người đọc thời bấy giờ. Theo Nguyễn Vỹ thì tác phẩm “*Tuấn, chàng trai*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

*nước Việt*” không phải là tiểu thuyết, không phải là hồi ký, cũng không phải là tự truyện. Nguyễn Vỹ đã viết về những con người, những sự kiện chân thật với tư cách là nhân chứng khách quan của thời đại. Chính vì vậy, ông gọi tác phẩm của mình là “*chứng tích thời đại*”. Ông viết về xã hội Việt Nam từ những năm đầu thế kỷ 20 đến năm 1945, viết về chân dung cuộc sống của một thế hệ cùng thời với ông, mà ông đã gọi là “thế hệ Tuấn - chàng trai nước Việt”. Nguyễn Vỹ đã ghi chép một cách đầy sáng tạo các sự kiện; phải nói là ngôn ngữ sự kiện, đầy hấp dẫn, phong phú và đầy chân thật trong “*Tuấn, chàng trai nước Việt*”. Ông trở thành người kể chuyện tài hoa, hấp dẫn. Từ chuyện ăn mặc, thời trang, tóc tai, học hành, thi cử, chuyện làng xã, chính trị... Từ đời sống sinh hoạt của một vùng đất, của một đất nước chuyên sống bằng nông nghiệp lạc hậu, tiếp xúc với những phương tiện hiện đại, cơ giới, máy móc tự động của phương Tây; đến tình cảm và suy nghĩ của một thế hệ đối với đất nước và dân tộc.

Đọc tác phẩm này của Nguyễn Vỹ, chúng ta thấy rõ hoàn cảnh, cuộc sống của Việt Nam từ trong thời kỳ phong kiến, thuộc địa đến thời kỳ bùng nổ dân chủ, giành độc lập. Chúng ta hiểu rõ tình hình kinh tế, văn hóa xã hội,

cũng như những tập quán xã hội của nước ta trong thời kỳ đầu thế kỷ 20. Tác phẩm “*Tuấn, chàng trai nước Việt*” đã trở thành nguồn tư liệu quý giá giúp rất nhiều cho những nhà nghiên cứu, biên soạn, trích dẫn những phong tục tập quán, những sinh hoạt trong đời sống, những chuyển biến lịch sử của đất nước Việt Nam trong thời kỳ đầu của thế kỷ 20.

Với tác phẩm “*Tuấn, chàng trai nước Việt*”, nhà thơ Nguyễn Vỹ là nhân chứng của một thời đại.

(Bài đã đăng trên:

- [WWW.vanchuongviet.org](http://WWW.vanchuongviet.org) ngày 19/1/2009
- [WWW.nhavan.vn](http://WWW.nhavan.vn) ngày 3/2/2009
- [WWW.nuiansongtra.net](http://WWW.nuiansongtra.net) ngày 16/2/2009)



## *Bích Khê*

*Người có những câu thơ hay nhất Việt Nam*

**C**ách đây gần 50 năm, tôi và bạn bè tôi còn là học trò lớp Nhất trường làng, chúng tôi say mê và thuộc lòng bài thơ “Làng em” của thi sĩ Bích Khê:

*“Nơi đây: Làng cũ buồn thu quạnh  
Anh có khi nào trở lại chưa?  
Ngày đi chậm lắm. Dòng sông biếc  
Cùng sáng trong trời sợi sợi mưa*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



*Nơi đây: Thành phố đời ngưng mạch  
Mấy nàng lai khách vẫn buồn mơ  
Đường lên hội quán sương khuya xuống  
Đâu mấy chàng trai rồi nhớ hờ?*

*Anh có khi nào còn trở lại  
Chờ lúc hoàng hôn trắng đã lên  
Tìm ngõ nhà em anh sẽ thấy  
Khóm lan thơm nặng khí ưu phiền*

*Là lúc đêm về trên mái ngói  
Những nhành nhãn muôn cánh dơi lay  
Em đang nổi bệnh trong phòng vắng  
Tình đậm theo trăng sáng sáng đầy...”*

Đây là một trong những bài thơ Bích Khê viết về nơi ông từng sinh sống, gắn bó suốt cuộc đời. Đó là phố cổ Thu Xà, một Hội An thu nhỏ của Quảng Ngãi ngày xưa. Nơi đây chỉ cách làng chúng tôi ở một con sông nhỏ. Chính vì vậy, cùng với những câu thơ đẹp, “**Làng em**” của Bích Khê rất gần gũi, thân thiết với chúng tôi. Khi lớn lên, chúng tôi càng say mê nhiều bài thơ của Bích Khê

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

như: *Mộng cầm ca, Tỳ bà, Hoàng hoa, Tranh lã thể, Xuân tượng trưng, Duy Tân, Ngũ hành sơn...* Thơ Bích Khê thật đẹp, thật sang trọng, tràn ngập nhạc điệu và màu sắc. Và, cũng chính Bích Khê qua thơ của mình đã góp phần làm đẹp thêm tiếng Việt. Cùng với các bài thơ: “Ngũ hành sơn”, “Hải vân”, những địa danh, thắng cảnh của Quảng Ngãi như sông Trà, núi Ấn, chùa Ông và “làng em” - Thu Xà ngày xưa ấy đã đi vào trong thơ của Bích Khê, để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người yêu thơ.

Bích Khê tên thật là Lê Quang Lương, còn có bút danh: Lê Mộng Thu. Ông sinh ngày 24/03/1916, nguyên quán ở xã Phước Lộc, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Gia đình Bích Khê nhập cư sinh sống ở thị trấn Thu Xà nay là xã Nghĩa Hòa, huyện Tư Nghĩa (Quảng Ngãi). Năm lên 14 - 15 tuổi, Bích Khê đã biết làm thơ Đường, viết ca trù, hát nói. Đến tuổi 16 - 17, Bích Khê đã có thơ đăng trên các báo: Tiếng dân, Tiểu thuyết thứ Năm, Ngày mới, Phụ nữ tân văn... Nhiều bài thơ của Bích Khê đã chinh phục được những nhà nho khó tính thời bấy giờ. Năm 1935, qua Mộng Cầm (cháu gọi Bích Khê bằng cậu), Bích Khê gặp Hàn Mặc Tử ở Phan Thiết. Từ đây, hai người trở thành đôi bạn thân thiết. Bích Khê phục tài thi sĩ Hàn Mặc Tử.

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Và, Hàn Mặc Tử cũng rất quý mến tài thơ của Bích Khê. Cuối năm 1938, Bích Khê góp thành tập thơ gửi cho Hàn Mặc Tử. Hàn Mặc Tử gửi trả lại với lời chê “*quá kém*”. Trước lời phê bình nặng nề của Hàn Mặc Tử, Bích Khê xé nát tập thơ và viết thư cho Hàn Mặc Tử với lời tuyên bố: “*Trong sáu tháng sẽ trở thành một thi sĩ phi thường. Bằng không, sẽ không làm thơ nữa...*”. (Thật ra, cũng như Yến Lan và Quách Tấn, Hàn Mặc Tử biết Bích Khê là người có tài nên “*khiêu khích, mỉa mai*”, làm cho Bích Khê “*bật nảy thiên tài*”).

Kể từ sự kiện này, Bích Khê từ bỏ dòng thơ cũ, bước hẳn sang lãnh địa thơ mới. Bích Khê đổi mới sáng tạo trong thơ một cách triệt để và quyết liệt. Thời kỳ này, Bích Khê tiếp cận và chịu ảnh hưởng nhà thơ Baudelaire và Valéry thuộc trường phái Tượng Trưng của Pháp. Nhưng, Bích Khê đã tạo được bản sắc riêng của mình. Chỉ ba tháng sau, Bích Khê gửi cho Hàn Mặc Tử tập thơ “*Tinh huyết*” - một tập thơ được viết bằng “*máu huyết, tinh tủy, châu lệ và tất cả say sưa đắm đuối của một tâm hồn thi sĩ*”. Hàn Mặc Tử mừng ứa nước mắt trước sự thành công của bạn. Cuối năm 1939, “*Tinh huyết*” của Bích Khê ra đời, Hàn Mặc Tử gọi là: “*Một bông hoa lạ nở hương, một*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

*thứ hương quý trọng, thơm đủ mùi phước lộc. Một đóa hoa thân dị... ”. Tập “Tinh huyết” được bạn đọc cả nước, nhất là giới trẻ đón tiếp một cách nồng nhiệt. Nhà thơ Chế Lan Viên nhận xét: “Bích Khê thật sự là một đỉnh núi lạ trong làng thơ mới”. Tháng 11/1941, Hoài Thanh - Hoài Chân đã nhận định về thơ Bích Khê như sau: “Tôi đã gặp trong “Tinh huyết” những câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt Nam. Tôi đã đọc không biết mấy chục lần bài “Duy Tân”, tôi thấy trong đó có những câu thơ thật đẹp. Nhưng tôi không dám chắc bài thơ đã nói hết cùng tôi những nỗi niềm riêng của nó. Hình như vẫn còn gì nữa... Còn các bài khác, hoặc chưa xem, hoặc mới đọc mới có đôi ba lần. Mà thơ Bích Khê, đọc đôi ba lần thì cũng như chưa đọc... ”.*

Nhà thơ Phan Thanh Phước, tác giả của tập thơ “Vương hương”, người cùng thời với Bích Khê đã từng nói: “Một bài thơ của tôi xong là tôi tự thấy có kém sút một ít trong sức khỏe. Như vậy tức nhiên có một phần sức khỏe của tôi đã đi vào trong thơ tôi. Tôi tự hỏi thế là trong thơ tôi có cả hồn lẫn xác của tôi chăng?”. Câu nói trên, có lẽ đúng với trường hợp của Bích Khê. Bích Khê bị bệnh phổi từ năm 1937. Có lẽ, thơ làm cho Bích Khê thêm nặng bệnh. Cả

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

thi sĩ Hàn Mặc Tử và Bích Khê đều mắc phải bệnh nan y. Thời bấy giờ, y học chưa tiến bộ nên cả Bích Khê và Hàn Mặc Tử đều phải sớm từ giã cõi đời! Bích Khê mất vào ngày 17/1/1946 tại quê nhà Thu Xà - Quảng Ngãi. Cùng với *Tình huyết*, Bích Khê đã để lại cho đời các tập thơ: *Tình hoa*, *Đẹp*, *Ngũ hành sơn*, *Mấy dòng thơ cũ*.

Những nhận định về Bích Khê của Hoài Thanh - Hoài Chân đến nay đã được 68 năm, đi qua thế kỷ, vẫn còn nguyên giá trị. Gần 70 năm qua, có rất nhiều nhà phê bình, nghiên cứu văn học, nhà thơ, nhà văn viết về Bích Khê. Có người làm luận văn tốt nghiệp Cao học về đề tài thơ Bích Khê. Tất cả đều có chung một nhận định: "*Bích Khê là một trong những người tiên phong đã đưa lịch sử thơ ca lên một bước mới. Thơ Bích Khê là kết quả đẹp đẽ của một tư duy nghệ thuật tích hợp, nhuần nhuyễn, tinh tế các yếu tố Đông Tây trong sáng tạo nghệ thuật. Bích Khê là một nhà thơ hy sinh toàn diện cho thơ*". Riêng đối với chúng tôi, khi đọc thơ Bích Khê, thường nghĩ đến tình bạn cao đẹp giữa các nhà thơ tài hoa: Hàn Mặc Tử, Quách Tấn, Chế Lan Viên, Yến Lan và Bích Khê. (Những nhà thơ này được các nhà phê bình văn học xếp vào nhóm trường Thơ Loạn hay nhóm thơ Bình Định). Qua các bài viết, hồi ký,

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

thơ văn của người trong và ngoài cuộc, chúng ta vô cùng kính phục và ngưỡng mộ tình bạn của Quách Tấn, Yến Lan, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên và Nguyên Đình. Có thể nói đây là tấm gương sáng về tình bạn. Họ thân thiết như anh em ruột thịt. Mỗi người mỗi hoàn cảnh, tôn giáo khác nhau, quan niệm sáng tác có khi cũng khác nhau. Nhưng, giữa họ là sự chân thành, gắn bó thủy chung, tôn trọng nhau, cùng giúp nhau tiến bộ. Và, tất cả đều thành danh trên con đường sáng tác thơ ca. Họ đã để lại cho đời những kiệt tác, đóng góp rất lớn vào kho tàng văn học đất nước. Dù trong nghèo đói, túng thiếu, Yến Lan, Quách Tấn, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Bích Khê và Nguyên Đình gắn bó giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Khi Bích Khê bị bệnh nan y phải vào bệnh viện ở Huế điều trị, dù khó khăn, mỗi tháng Yến Lan góp 30 đồng, Chế Lan Viên 10 đồng, Nguyên Đình 20 đồng, Quách Tấn 20 đồng. Tất cả gửi ra Huế giúp Bích Khê chữa bệnh. Có cuốn sách nào hay, dù là sách mượn của người khác trong thời gian ngắn nhất phải trả cho chủ nhân, Chế Lan Viên đều tranh thủ đọc trước, xong chạy bộ trong đêm tối đưa đến nhà đưa cho Yến Lan đọc (Thời xưa, sách hay rất hiếm và quý. Đâu có được đầy đủ báo in, sách in, sách trên internet như bây giờ). Khi nhớ

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Hàn Mặc Tử, Bích Khê đã viết bài *Hàn Mặc Tử*, đọc xong chúng ta nghe lòng mình rưng rưng:

“...  
*Mướt trong màu tuyết vẽ*  
*Hai ta đều quạnh quẽ*  
*Đứt ruột thương nhớ nhau*  
*Nấn ná sẽ lìa nhau*  
*Chiêm bao còn thấy nhau...”*

Khi Hàn Mặc Tử qua đời, Quách Tấn đã viết những câu thơ ứa lệ:

*“Ôi Lệ Thanh! Ôi Lệ Thanh*  
*Một giấc trưa nay lại giật mình*  
*Nhan sắc châu sa màu phú quý*  
*Tài ba bút trở nét tình anh*  
*Rượu tần thu cũ say sưa chuyện*  
*Hương lạ trời cao bát ngát tình*  
*Tôi khóc tôi cười vang cả mộng*  
*Nhớ thương đưa lạc gió qua màn”.*

Đến khi Bích Khê qua đời, Quách Tấn đã viết những vần thơ khóc Bích Khê:

*Những người con út tú của núi Ấn sông Trà*

*“Ngắm vợi trời Thiên Ấn  
Cố nhân ơi! Cố nhân!  
Bóng theo Hàn Mặc Tử  
Tâm gửi Ngũ Hành Sơn  
Danh vọng dài mây vút  
Anh hoa biển sóng dờn  
Đã hay nghìn tuổi thọ  
Thương nhớ lụy đời cơn”.*

Những bài thơ thương nhớ bạn của Quách Tấn, Bích Khê... đã đi vào văn học sử.

Xin ngàn lần, vạn lần, trân trọng cảm ơn quê hương, đất nước đã sinh ra Bích Khê, Hàn Mặc Tử, Quách Tấn, Chế Lan Viên, Yến Lan... những nhà thơ tài hoa, chân chính. Và, chính họ là những người đã làm đẹp thêm quê hương đất nước thân yêu.

(Bài đã đăng trên:

- [WWW.vanchuongviet.org](http://WWW.vanchuongviet.org) ngày 10/3/2009
- [WWW.nhavan.vn](http://WWW.nhavan.vn) ngày 28/3/2009
- [WWW.nuiansongtra.net](http://WWW.nuiansongtra.net) ngày 20/4/2009)

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*





*Trần Văn Trà*  
*Vị tướng của nhân dân*

**T**heo dòng lịch sử, ở quê hương Quảng Ngãi đã xuất hiện nhiều nhà chính trị, quân sự, nhà văn hoá lỗi lạc. Nhà báo Đặng Minh Phương đã gọi: *Quảng Ngãi là đất tướng*. Chỉ tính riêng trong thời kỳ 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, quê hương núi Ấn - sông Trà đã cung cấp cho quân đội nhân dân Việt Nam hơn 30 vị tướng tài. Đặc biệt, riêng huyện Sơn Tịnh đã có đến 11 vị tướng.

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Trong đó, Trần Văn Trà là vị tướng có cấp bậc cao nhất: Thượng tướng.

Trần Văn Trà tên thật là Nguyễn Chấn, sinh năm 1919 tại xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Ngay từ năm mười bảy tuổi, đang theo học tại Trường Kỹ nghệ thực hành Huế, ông đã tham gia phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ. Đến năm mười tám tuổi, Trần Văn Trà đã sớm đứng vào đội ngũ của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Năm 1945, ông tham gia quân đội. Trong cuộc đời binh nghiệp của mình, Trần Văn Trà gắn bó với chiến trường và nhân dân miền Nam. Ông là một trong những người được phong tướng sớm nhất. Năm 1959, được phong Trung tướng, năm 1974 được phong Thượng tướng. Trong kháng chiến chống Pháp, ông giữ nhiều chức vụ quan trọng: Khu trưởng Khu 8, Phó tư lệnh Nam Bộ, kiêm Chính ủy Sài Gòn - Chợ lớn, Tư lệnh phân khu Nam Bộ. Trong kháng chiến chống Mỹ, Trần Văn Trà được cử làm Tư lệnh quân Giải phóng miền Nam. Trần Văn Trà là người được giao nhiệm vụ cùng tướng Võ Bẩm tổ chức đường dây 559, được mệnh danh là đường mòn Hồ Chí Minh và tổ chức đường dây 759, còn gọi là đường Hồ Chí Minh trên biển. Đây là hai tuyến đường huyết mạch nối liền hậu phương lớn miền Bắc, chi viện cho chiến trường lớn miền Nam trong thời kỳ chống Mỹ. Trong chiến dịch Hồ Chí Minh

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

lich sử vào mùa Xuân năm 1975, Trần Văn Trà là Phó Tư lệnh chiến dịch. Năm 1978, ông được cử chức vụ Thứ trưởng Bộ quốc phòng. Năm 1982, ông được nghỉ hưu. Thượng tướng Trần Văn Trà bị bệnh qua đời tại TP. Hồ Chí Minh vào năm 1996.

Từ khi nghỉ hưu đến những ngày cuối đời, Trần Văn Trà tham gia công tác xã hội và giành thời gian viết hồi ký. Tác phẩm của ông gồm có: *Kết thúc cuộc chiến 30 năm*, *Gởi người đang sống (1996)*, *Mùa thu lịch sử (1996)*, *Cảm nhận về Xuân Mậu Thân 1968 (1998)*.

Trong tác phẩm kết thúc cuộc chiến 30 năm, Trần Văn Trà đã viết những câu tràn đầy tình cảm: “...*Khi về thành chớ quên bưng biền, rừng núi. Nhờ nhân dân mà ta làm nên tất cả, nay có tất cả trước hết phải vì nhân dân. Nhờ bạn bè mà ta tạo thành sự nghiệp, nay có sự nghiệp, chớ có lãng quên bạn bè. Cái đức của người Việt Nam là tình nghĩa thủy chung, là đạo xử thế nghĩa con người với con người, nên mất ta phải trong, lòng ta phải sáng. Đó là cái quý nhất của một đời người...*”. Ông nói với chính mình mà cũng gởi gắm nỗi lòng, suy nghĩ của mình đến bao người khác. Qua đoạn văn trên của Thượng tướng Trần Văn Trà, chúng ta càng thấy tấm lòng thủy chung của “*một vị tướng của nhân dân*”.

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



## *Tế Hanh*

*“Cánh buồm vôi” đi qua thế kỷ!*

Những bài thơ viết về quê hương, đất nước, cũng như những bài thơ viết riêng về một làng quê đều tạo được ấn tượng tốt đẹp đối với những người yêu thơ. Cách đây gần 80 năm, trong phong trào thơ mới xuất hiện nhiều cây bút viết về làng quê Việt Nam. Và, họ đã thành danh. 80 năm qua, mỗi khi nhắc đến những bài thơ viết

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

về cảnh làng quê miền Bắc, chúng ta đều nhớ đến những bài thơ của thi sĩ Đoàn Văn Cừ, Anh Thơ, Bằng Bá Lân... hay nhắc đến thôn Vĩ Dạ ở Huế, chúng ta nhớ đến bài thơ “Đây thôn Vỹ” của Hàn Mặc Tử. Nói đến Huế đẹp, Huế thơ, ta nhớ đến những bài thơ của thi sĩ Nam Trân. Và như thế, khi nói đến cảnh sinh hoạt của một làng chài ven biển, nhiều người trong chúng ta nhớ ngay đến bài thơ “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh:

*Làng tôi vốn làm nghề chài lưới:*

*Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông*

*Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng,  
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá:  
Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã  
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trùng giang.  
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng  
Dướn thân trắng bao la thâu góp gió...*

*Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ  
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về  
“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”  
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

*Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng  
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm  
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm  
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ*

*Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ  
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi  
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi  
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!*

(Nghẹn ngào)

Thơ về làng chài là một đề tài thật hiếm người viết. Có lẽ, Tế Hanh là người duy nhất viết về làng chài. Và, đã thành công với bài “Quê hương”. Tế Hanh tên thật Trần Tế Hanh, sinh ngày 15/5/1921 ở làng Đông Yên, xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Bài thơ “Quê hương” chính là cái làng chài Đông Yên thân thương của Tế Hanh. Sinh ra, lớn lên, gắn bó với quê hương - một làng chài thơ mộng nằm cuối dòng sông Trà hiền hòa. Tế Hanh đã tinh tế đưa vào thơ của mình hình ảnh sinh hoạt trong cuộc sống của quê hương: Cảnh tấp nập *ghe thuyền cá đầy khoang* trên bến đò, *những con thuyền như tuấn mã căng cánh buồm vôi* trắng bạc lộng gió trên biển xanh

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

mênh mông *như mảnh hồn làng* của ngư phủ giữa sóng nước đại dương. Hình ảnh những *con thuyền nằm im bến* mới sau chuyển ra khơi... Và, cả *cái mùi nồng mặn* quá của một làng chài. Chính vì vậy, thơ Tế Hanh gần gũi, quen thân với người yêu thơ.

Từ tuổi 16, đôi mươi, với một tâm hồn nhạy cảm, đầy tha thiết, Tế Hanh chọn lọc những nét đặc trưng đưa vào thơ của mình một thế giới gần gũi với cuộc sống: Nỗi buồn vu vơ của tuổi học trò trước cảnh chia ly trên sân ga (*Vu vơ*), nỗi niềm của con đường làng (*Lời con đường quê*), tạo cho người đọc nghe lòng băng khuâng, xao xuyến... Năm 21 tuổi, với thi phẩm “*Nghẹn ngào*” (Hoa Niên), Tế Hanh người con của làng chài Đông Yên đã vinh dự nhận giải thưởng Tự lực văn đoàn (1939), khẳng định vị trí của mình trong phong trào thơ mới. Cũng từ đây, Tế Hanh gắn bó suốt cuộc đời mình với thi ca. Và, với bài thơ “*Quê hương*”, Tế Hanh đã ghi dấu ấn rất riêng trong phong trào thơ mới. Bài thơ ra đời đến nay đã gần 80 năm, vẫn còn và mãi mãi hấp dẫn người yêu thơ. “*Quê hương*” của Tế Hanh như “*cánh buồm vô*” *vượt trùng dương* đã đi qua thế kỷ.

Trong cuộc hành trình với thơ ca, Tế Hanh đã xuất bản các tác phẩm chính: *Nghẹn ngào* (Hoa Niên - 1939), *Lòng*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

*miền Nam (1956), Chuyện em bé cười ra đồng tiền (1960), Hai nửa yêu thương (1967), Khúc ca mới (1967), Đi suốt bài ca (1970), Câu chuyện quê hương (1973), Theo nhịp tháng ngày (1974), Giữa những mùa xuân (1976), Con đường và dòng sông (1980), Bài ca sự sống, Tuyển tập Tế Hanh (Tập I - 1987), Thơ Tế Hanh (1989), Vườn xưa (1992), Giữa anh và em (1992), Em chờ anh (1993), Tuyển tập Tế Hanh (Tập II - 1997).*

Suốt gần một đời, Tế Hanh viết nhiều thơ về quê hương, đất nước và chiến tranh. Thơ Tế Hanh có nét rất riêng, độc đáo, đậm thắm và sâu sắc, được người yêu thơ đồng cảm. Nhà thơ Chế Lan Viên đã nhận định về Tế Hanh: “... Anh viết khá hay về biển, biển trong bão dữ. Nghĩ đến anh tôi nghĩ về cái êm đềm của những con sông. Anh có thể tả mùa hè rực rỡ, nhưng hình như anh xúc động nhất mùa thu...”.

Cùng với những bài thơ hay viết về quê hương, đất nước, Tế Hanh còn viết nhiều về tình yêu. Thơ tình của Tế Hanh không có nét rạo rức, chói bỏng, lãng mạn bay bổng như thơ Xuân Diệu, cũng không dằn vặt khổ đau như thơ của Vũ Hoàng Chương. Thơ tình của Tế Hanh thường gắn với hoàn cảnh cụ thể trong cuộc sống đời thường, thể hiện nỗi niềm đậm thắm, sâu kín tận đáy lòng:

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



*“Mảnh vườn xưa cây mỗi ngày mỗi xanh  
Bà mẹ già tóc mỗi ngày mỗi bạc  
Hai ta ở hai đầu công tác  
Có bao giờ cùng trở lại vườn xưa?”*

*Hai ta như ngày nắng tránh ngày mưa  
Như mặt trăng mặt trời cách trở  
Như sao Hôm sao Mai không cùng ở  
Có bao giờ cùng trở lại vườn xưa?*

*Hai ta như sen mùa hạ cúc mùa thu  
Như tháng mười hồng, tháng năm nhĩn  
Em theo chim em đi về tháng tám  
Anh theo chim cùng với tháng ba qua*

*Một ngày xuân em trở lại nhà  
Nghe mẹ nói anh có về hái ổi  
Em nhìn lên vòm cây gió thổi  
Lá như môi thâm thì gọi anh về*

*Lần sau anh trở lại một ngày hè  
Nghe mẹ nói em có về bên giếng giặt  
Anh nhìn giếng, giếng sâu trong vắt  
Nước như gương soi lẽ bóng hình anh*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

*Mảnh vườn xưa cây mỗi ngày mỗi xanh  
Tóc mẹ già mỗi ngày mỗi bạc  
Hai ta ở hai đầu công tác  
Có bao giờ cùng trở lại vườn xưa?*

(1957)

Bài thơ “*Vườn xưa*” nói về nỗi niềm xa cách của đôi tình nhân trong hoàn cảnh ở hai đầu công tác. Ở đây, chúng ta bắt gặp nỗi cô đơn, nhớ nhung của nhiều người có chung một hoàn cảnh. “*Bài thơ tình ở Hàng Châu*” Tế Hanh viết từ năm 1956, có lẽ đây là một trong những bài thơ tình hay nhất của Tế Hanh. Những điều tưởng chừng bình thường, giản dị, qua thơ của Tế Hanh bỗng nhiên sâu sắc vô cùng, làm lay động tâm hồn nhiều người:

*Anh xa nước nên yêu thêm nước  
Anh xa em càng nhớ thêm em  
Trăng Tây Hồ vời vợi thâu đêm  
Trời Hàng Châu bốn bề êm ái  
Mùa thu đã đi qua còn gửi lại  
Một ít vàng trong nắng trong cây  
Một ít buồn trong gió trong mây  
Một ít vui trên môi người thiếu nữ...*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Anh đã đến những nơi lịch sử  
Đường Tô Đông Pha làm phú  
Đường Bạch Cư Dị đề thơ  
Hồn người xưa vương vấn tựa bao giờ  
Còn thao thức trên cành đào ngọn liễu  
Phong cảnh đẹp nhưng lòng anh thấy thiếu  
Bức tranh kia anh muốn điểm thêm màu  
Có hai ta cùng tựa bên cầu  
Cho mặt nước Tây Hồ trong sáng nữa  
Lá phong đỏ như mối tình đượm lửa  
Hoa cúc vàng như nỗi nhớ day dưa  
Làn nước qua ánh mắt ai đưa  
Cơn gió đến bàn tay em vẫy  
Chúng mình yêu nhau từ độ ấy  
Có núi sông và có trăng sao  
Có giận hờn và có chiêm bao  
Cay đắng ngọt bùi cuộc đời kháng chiến  
Nói sao hết em ơi bao kỷ niệm...

Những ngày buồn nghĩ đến thấy vui vui  
Những ngày vui sao lại thấy ngùi ngùi  
Anh không muốn hỏi nhiều quá khứ  
Ngày đẹp nhất là ngày rồi gặp gỡ

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

---



Eluard, René Char, S. Petofi, B. Brecht... ra tiếng Việt. Những bài thơ do Tế Hanh chuyển ngữ từ Pháp ra Việt rất tài hoa, tinh tế, đầy chất thơ, giữ được cái hồn của các tác giả đã chinh phục bao thế hệ người yêu thơ. Và, giúp cho người đọc tiếp xúc với văn hóa thế giới.

Từ bài thơ đầu tiên “*Lời con đường quê*” đến nay Tế Hanh đã đồng hành cùng thi ca gần 80 năm, đi qua thế kỷ. Ông đã có những đóng góp nhất định vào nền thi ca hiện đại. Năm 1996, Tế Hanh được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật. Mã Giang Lân - nhà nghiên cứu phê bình văn học đã nhận xét về thơ Tế Hanh một cách ngắn gọn, nhưng rất đầy đủ và chính xác: “*Thơ Tế Hanh giản dị, trong sáng, tinh tế mà đậm tình đất nước...*”. Tế Hanh đã thực sự trở thành một trong những cây đại thụ trong nền thi ca đương đại Việt Nam.

(Bài đã đăng:

- [WWW.vanchungviet.org](http://WWW.vanchungviet.org) ngày 16/5/2009

- [WWW.nuiansongtra.net](http://WWW.nuiansongtra.net) ngày 31/5/2009

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

---



## *Trương Quang Lục*

*Người nhạc sĩ tài hoa của đất mẹ ngoan cường*

Những người dân Quảng Ngãi khi sống xa quê hương đều mang trong tâm hồn mình hình ảnh núi Ấn Sông Trà. Có lẽ vì thế nên mỗi lần người Quảng Ngãi họp mặt đồng hương, bài hát *Quảng Ngãi Đất Mẹ ngoan cường* của Nhạc sĩ Trương Quang Lục được nhiều người hát một cách say sưa với tất cả tình cảm của mình:

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

“Anh từng nói với em về Quảng Ngãi. Đất anh hùng sinh du kích Ba Tơ. Trong kháng chiến từ núi rừng sông bãi không cho quân giặc chiếm bao giờ. Như ngàn tiếng hát ru từ thuở nhỏ - Sóng sông Trà âm vang mãi tìm ta - Luôn thôi thúc trả mối thù Sơn Mỹ, ta ghi sâu nợ máu không nào /2/ Quảng Ngãi ơi còn nhớ chăng những ngày vui đồng khởi. Đỏ bóng cờ từ Bình Sơn đến Sa Huỳnh lộng gió. Quảng Ngãi ta đó đất mẹ thân thương. Tiếng hát bờ xe ven sông Trà Khúc. Tiếng hát quật khởi ngày đêm không dứt. Mùa cá chuồn đầy bến đêm đêm dội sóng. Những con thuyền trong gió đón chờ anh.

Rầm rập như sao ... hò lơ... đoàn quân giải phóng ... hò lơ... các anh về đây quê hương chào đón. Ngọn cờ chiến thắng ... hò lơ... vờn bay trong nắng ... hò lơ... .. hò lơ... câu ca ta chào quê hương trăm mến ngàn thương. Núi Ấn Sông Trà mai này sẽ nở hoa. Quảng Ngãi anh hùng sáng ngời trong lòng ta.

/2/... Quảng Ngãi ơi lòng sắt son dầu nhà tan cửa nát. Lòng vững bền một niềm tin với cách mạng ngời sáng. Quảng Ngãi ta đó sừng ngày đêm chiến thắng. Vang khắp Bình Sơn vang tới Mộ Đức... Tiếng trống đồng khởi vang về bốn phía. Mùa nắng vàng đẹp lắm phơi trong mật mía. Các

**Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà**

*anh về rực sáng giữa làng quê. Rầm rập như sao... hò lơ... đoàn quân giải phóng... hò lơ... ... hò lơ... các anh về đây quê hương chào đón. Ngọn cờ chiến thắng... hò lơ... vờn bay trong nắng... hò lơ... câu ca ta chào quê hương trăm mến ngàn thương. Núi Ấn Sông Trà mai này sẽ nở hoa. Sông núi anh hùng sáng ngời trong lòng ta”.*

Trương Quang Lục sử dụng ca từ một cách dung dị như cây lúa, củ khoai quê hương Quảng Ngãi. Những hình ảnh gần gũi thân thương như mây trời núi Ấn, màu nước sông Trà, ngọt ngào như tiếng hò Ba Lý, nồng nàn như hương quế và ngọt lịm mía đường. Nhịp điệu của bài hát chậm, vừa, thông thả đậm phong cách dân ca xứ Quảng. Người hát, người nghe như được sống lại với quê hương một thời chiến tranh, gian khổ, chết chóc, bi thương. Nhưng, đất mẹ Quảng Ngãi ngoan cường, thủy chung, vẫn mang niềm tin tất thắng vào ngày mai quê hương thanh bình, tươi đẹp hơn. Nhiều người dân Quảng Ngãi xem bài hát này như là Thánh ca, sử ca của mình. Những người ca sĩ chuyên nghiệp, cũng như nghiệp dư đã hát say sưa bài “Quảng Ngãi đất mẹ ngoan cường” với tất cả tình cảm tha thiết và niềm tự hào đối với quê hương. Tôi đã bắt gặp hình ảnh một cụ già tuổi ngoài 70 vừa hát, miệng mỉm cười mà

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



mắt lệ trào dâng khi hát bài ca *Quảng Ngãi đất mẹ ngoan cường* cho những người đồng hương của mình nghe. Ôi! đẹp và xúc động vô cùng !

Trương Quang Lục là người con của quê hương Quảng Ngãi, ông sinh vào ngày 25/2/1933 tại Tịnh Khê, một làng quê có truyền thống văn hiến thuộc huyện Sơn Tịnh. Từ năm 14 tuổi, Trương Quang Lục đã sáng tác ca khúc. Đến năm 1970, với nhạc phẩm *Quảng Ngãi đất mẹ ngoan cường*, Trương Quang Lục đã góp phần làm đẹp thêm, sáng ngời thêm trang lịch sử truyền thống của quê hương Quảng Ngãi. Trước năm 1954, Trương Quang Lục đã có nhiều tác phẩm được phổ biến rộng rãi đến những người yêu âm nhạc như: *Chuyến tàu trăng*, *Bảo vệ hoà bình*, *Đố cờ*, *Hoa bên suối*...

Năm 1954, Trương Quang Lục tập kết ra Bắc, ông là kỹ sư hoá chất công tác tại Nhà máy Super-Phosphate Lâm Thao. Trong thời kỳ này, có lẽ do ảnh hưởng khí thế lao động sản xuất và chiến đấu để giải phóng miền Nam, Trương Quang Lục vừa công tác vừa say mê lao vào sáng tác âm nhạc. Nhiều tác phẩm của ông đã ra đời ở thời kỳ này và được công chúng yêu thích. Như những ca khúc: *Cô gái Lâm Thao*, *Tiếng hát ven rừng*, *Vàm Cỏ Đông*, *Hoa*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

*sen thập mười, Quảng Ngãi đất mẹ ngoan cường... Với tình yêu quê hương sâu đậm, ông còn viết nhiều ca khúc về Quảng Ngãi: Kéo lưới trên biển quê hương, Thạch nham mùa xuân sông Trà, Nụ cười Dung Quất, Vạn Tường thành phố biển, Sơn Mỹ ngày về, Mùa xuân lên đỉnh Thiên Ấn, Về với Lý Sơn, Trường Sơn âm vang lời Bác, Lời ru trên đỉnh Cà Đam...*

Sự nghiệp sáng tác của Trương Quang Lục rất phong phú. Bên cạnh dòng nhạc truyền thống, Trương Quang Lục còn viết nhiều bài hát Thiếu nhi: *Trái đất này là của chúng em, Tuổi mười lăm, Màu mực tím, Em yêu đàn gà xinh...* Ông còn tham gia viết nhiều nhạc phim, nhạc sân khấu, múa rối...

Trương Quang Lục còn là một nhà nghiên cứu âm nhạc nói chung và nghiên cứu dân ca. Ông cũng viết nhiều bài giới thiệu tác giả tác phẩm, giới thiệu nhiều ca khúc nổi tiếng của những nhạc sĩ tài hoa trên các báo, tạp chí và trên đài phát thanh, truyền hình trong cả nước. Năm 2007, Trương Quang Lục được trao tặng giải thưởng Nhà nước về VHNT.

Trương Quang Lục đã xuất bản những tác phẩm : *Tuyển tập nhạc Trương Quang Lục* (HVN Vĩnh Phúc), *Tuyển*

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

*chọn ca khúc của Trương Quang Lục* (NXB Dìhavina và Hội Nhạc sĩ Việt Nam).

Nói đến Trương Quang Lục, nhiều người yêu âm nhạc đều nghĩ ngay đến nhạc phẩm **Vàm Cỏ Đông** (phổ thơ **Hoài Vũ**). Bài hát ra đời từ năm 1966, lập tức nổi tiếng, được công chúng đón nhận và yêu thích. Trương Quang Lục sáng tác ca khúc này trong một hoàn cảnh đặc biệt. Và, hoàn thành tác phẩm chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ. Vào một đêm khuya mùa hè năm 1966, trong chương trình Tiếng thơ của Đài tiếng nói Việt Nam, Trương Quang Lục được nghe bài thơ Vàm Cỏ Đông của Nhà thơ Hoài Vũ, một người bạn, người đồng hương của ông đang chiến đấu ở chiến trường miền Nam. Lời thơ qua giọng ngâm của người nghệ sĩ thật tha thiết. Trương Quang Lục bỗng nhớ vô cùng về miền Nam ruột thịt. Ngay lúc đó ông liền gỡ tờ báo Văn nghệ mới phát hành, thì thấy có đăng bài thơ Vàm Cỏ Đông của Hoài Vũ. Lời thơ của Hoài Vũ làm cho lòng Trương Quang Lục trào dâng xúc động. Ông ngồi bật dậy, đọc bài thơ nhiều lần, chọn những đoạn thích hợp, để phổ nhạc. Thế là ca khúc được hoàn thành trong thời gian ngắn nhất. Đến nay, qua hơn 42 năm, ca khúc Vàm Cỏ Đông vẫn sống mãi trong lòng công chúng và những người yêu âm nhạc.

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



## *Thanh Thảo*

*Với những câu thơ mềm mại mà mãnh liệt*

Với thi phẩm “Hoa niên”, Tế Hanh nhận giải thưởng Tự lực văn đoàn từ năm 1939, trước khi Thanh Thảo ra đời 7 năm. Là một người có vị trí vững chắc trong nền thi ca Việt Nam, nhà thơ Tế Hanh đã từng nói về những nhà thơ của quê hương ông như sau: “... **Tôi** chỉ là **cái gạch nối** giữa **Bích Khê** và **Thanh Thảo**...”. Với một

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

lời nhận xét như thế, chúng ta trân trọng sự khiêm tốn của Tế Hanh. Và, thấy ông đánh giá cao về Thanh Thảo. Theo thời gian, chúng ta càng nhận thấy những đánh giá của Tế Hanh về Thanh Thảo càng chính xác.

Thanh Thảo tên thật là Hồ Thành Công, sinh năm 1946 tại xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Ngay sau khi tốt nghiệp đại học ở Hà Nội, Thanh Thảo xung phong trở về miền Nam chiến đấu góp phần giải phóng quê hương. Ở chiến trường miền Nam, Thanh Thảo làm phóng viên, công tác tại đài phát thanh Giải Phóng. Sau ngày đất nước thống nhất, Thanh Thảo chuyên hoạt động trên lĩnh vực văn học nghệ thuật và báo chí.

Qua vài nét tiểu sử cuộc đời của Thanh Thảo, chúng ta thấy có một sự trùng hợp lý thú: Năm 1946, Bích Khê "***Nhà thơ có những câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt Nam***" vĩnh biệt trần gian; Cũng là năm Thanh Thảo cất tiếng khóc đầu đời chào quê mẹ Quảng Ngãi thân thương.

Thanh Thảo xuất hiện trên bầu trời thi ca Việt Nam vào những năm cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Những trang thơ của Thanh Thảo viết từ chiến trường miền Nam khói lửa, ác liệt, nóng bỏng, dữ dội, trần trụi đã tạo được nét riêng:

***Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà***

*“Cả thế hệ xoay trần đánh giặc  
Mặc quần đùi khiêng pháo lội qua sông”*

Thanh Thảo đã viết những câu thơ đầy cảm xúc, để lại dấu ấn sâu đậm trong lòng người yêu thơ:

*“Phải thương lắm mới đi làm cách mạng  
Phải thương nhiều hơn mới giữ nổi lòng tin  
Nhưng phải thương đến tận cùng đau đớn  
Mới làm người mẹ...”*

Bằng tất cả tâm huyết của mình, Thanh Thảo đã từng viết:

*Hạnh phúc nào cho tôi  
Hạnh phúc nào cho anh  
Hạnh phúc nào cho chúng ta  
Hạnh phúc nào cho đất nước...  
Những câu hỏi chưa thể nào nguôi được  
Mảnh đất hôm nay bè bạn chúng ta nằm  
Nơi máu đỏ phải sống bằng thực chất...  
Nơi cao nhất thử ta lòng yêu nước  
Thử lòng ta chung thủy vô tư  
Nơi vỡ vụn bao mảnh đêm hèn nhất  
Những gương mặt ngẩng lên lấp lánh chất người”*

**(Thử nói về hạnh phúc)**

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Không dừng lại với thành công bước đầu, Thanh Thảo luôn luôn trăn trở tìm cho mình một hướng đi, một nét riêng trên con đường sáng tạo thơ ca. Theo dõi cuộc đời, sự nghiệp thơ văn của Bích Khê và Thanh Thảo, chúng ta càng thấy cả hai đều có điểm giống nhau. Đó là, tính kiên trì, quyết liệt, sống hết mình với thơ, vì cái đẹp. Cũng như Bích Khê trước đây, Thanh Thảo luôn luôn tìm tòi sáng tạo, đổi mới về hình thức, nghệ thuật, mở rộng biên độ sáng tác thơ. Luôn luôn mới mẻ trong thơ, Thanh Thảo sáng tạo một cách phong phú, đầy tài hoa. Thật là đa dạng, đa diện. Thơ của Thanh Thảo mềm mại mà mãnh liệt, có sức chuyển tải lớn về chiều sâu nội dung, tạo ra độ rung lớn đối với người đọc. Chúng ta vô cùng kinh ngạc đến khâm phục về sức làm việc, sức viết của Thanh Thảo. Từ năm 1977 đến năm 2002, bên cạnh các tập thơ: *Dấu chân qua trăng cỏ*; 1,2,3; những tác phẩm thơ lẻ, báo chí, văn học khác, chỉ tính riêng trường ca Thanh Thảo đã viết và xuất bản 09 tập trường ca. Gồm: *Những người đi tới biển* (1977), *Trẻ con ở Sơn Mỹ* (1997), *Những nghĩa sĩ ở Cần Giuộc* (1980), *Bùng nổ của mùa xuân* (2000), *Đêm trên cát* (1985), *Một trăm mảnh gỗ vuông* (1988), *Khối vuông rubic* (1885), *Cỏ vẫn mọc* (2002), *Trò chuyện với nhân vật của mình* (2002).

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

---

Trong thế kỷ 19, *Chu Thần Cao Bá Quát* là một trong những nhà thơ lớn của đất nước. Cùng với Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương, Nguyễn Văn Siêu, ông được xem là tứ kiệt trên văn đàn.

Sau gần 128 năm, Cao Bá Quát qua đời (sau khi cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương thất bại, ông bị triều đình nhà Nguyễn xử chém), năm 1982, Thanh Thảo viết trường ca *Đêm trên cát*, viết về cuộc đời thơ của Cao Bá Quát với tất cả sự quý trọng, cảm kích. Mở đầu trường ca *Đêm trên cát*, chỉ với những câu thơ mềm mại, đầy hư ảo, Thanh Thảo đã vẽ chân thực được cảnh suy tàn của một vương triều trong quá khứ (thời kỳ Cao Bá Quát sống và làm việc):

*Những con cá vàng ngủ mê trong điện Thái Hoà*

*Cặp mắt giấu sau bóng tối*

*Tiếng thở dài*

*Bàn tay nơi không thấy bàn tay*

*Phút chốc đốm lửa lòe sáng*

*Người lính canh bên con nghê già bao giờ*

Có lẽ, sau 135 năm từ khi viết *Trà giang thu nguyệt ca*, Cao Bá Quát mới gặp được người tri kỷ. Đó là Thanh Thảo. Trong trường ca *Đêm trên cát*, Thanh Thảo viết:

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



*...Trăng trong chén anh  
Là giọt rượu cạn cuối cùng  
Của Sông Trà một đêm khói sóng  
Nhìn mắt bạn thấy bóng mình lẳng lặng  
Mối hận bỗng trào lên cuộn xoáy con thuyền...*

Những câu thơ trên của Thanh Thảo đã đưa chúng ta gặp, tiếp xúc với hình ảnh thi nhân uống rượu trong đêm trên Sông Trà ngày xưa đầy hào sảng, và cũng đầy nghĩa tình. Đọc những câu thơ của Thanh Thảo trong trường ca *Đêm trên cát*, chúng ta nhớ lại bài thơ *Trà Giang dạ bạc* và bài *Trà Giang thu nguyệt ca* của Cao Bá Quát viết cách đây 135 năm. (trong bài *Trà Giang dạ bạc* Cao Bá Quát viết:

*...Sa hồi giang tự sâu trường khúc  
Mộ tĩnh phong như tửu lực vi  
Di địa bất cảm Vương Xán cảm  
Đương niên thuỳ phóng Thái Ung quy?...  
(Bãi uốn, sông như sâu quận khúc  
Tối chìm, gió tựa rượu hơi say  
Thái Ung năm ấy về ai để?  
Vương Xán hồn quê rộn lúc này )*

Bản dịch của **Hoa Bằng**

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

Và trong *Trà Giang thu nguyệt ca*, Cao Bá Quát đã viết:

...Cử bôi thí yêu nguyệt  
Nguyệt nhập bôi trung hành  
Hàm bôi dục yết cánh phi khứ  
Chỉ hữu nhân ảnh tương tung hoành  
Đình bôi thả phục trí,  
Hựu kiến cô quang sinh...

*(Cát chén thử mời trăng  
Trăng vào đi trong chén  
Đỡ chén lên môi, trăng vụt biến  
Chỉ còn bóng người đang dọc ngang  
Ngừng chén và đặt xuống  
Trăng hiện về, bóng lại long lanh*

(Bản dịch của **Vũ Khiêu**)

Đối chiếu những câu thơ tài hoa của Cao Bá Quát với những câu thơ của Thanh Thảo trong trường ca *Đêm trên cát*, cả hai đều viết về đêm uống rượu với bạn trên sông Trà với những dòng thơ đầy tâm trạng. Hai nhà thơ sống vào hai thời đại khác nhau, cách nhau hơn 135 năm, chúng ta thấy Thanh Thảo có những đồng cảm sâu sắc với người xưa. Phải chăng những con người trung thực, tài hoa, khí

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

phách thường gặp nhau và có nhiều sáng tạo làm rung động lòng người trong nghệ thuật thơ ca. Trong trường ca *Đêm trên cát*, Thanh Thảo đã nói lên nỗi lòng của Cao Bá Quát- một con người tài hoa, khí phách, một tâm hồn phản kháng, nhiều hệ lụy trong cuộc đời. Nhưng, cao đẹp như hoa mai:

*...Thì cứ đi cứ đi và đi mãi  
Như nước kia chảy không bến không bờ  
Ta ném thơ mình vào thác xiết  
Một sợi chỉ mảnh mỏng mảnh treo chuông  
Một tiếng thét khi đêm lầy giăng ngập cổ  
Trước mõm chó trước vó ngựa  
Lần đầu thơ biết đến hiểm nguy*

Mỗi tập trường ca của Thanh Thảo là một khám phá mới. Nhiều nhà thơ, nhà văn, nhà phê bình văn học đã gọi: Thanh Thảo là ông *vua trường ca, ông hoàng của trường ca*. Đối với thơ nói riêng và trường ca của Thanh Thảo nói chung, chúng ta càng đọc nhiều lần càng thấy hay, thấm đẫm, đầy chất thơ. Như những vì sao trong đêm, chúng ta càng nhìn càng thấy sáng và rực sáng hơn. Khác với những tác giả cùng thời, trường ca của Thanh Thảo là

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

những bản giao hưởng hoành tráng với nhiều cung bậc, ngữ nghĩa đa dạng, độc đáo và đầy thông minh. Thanh Thảo đã đưa hơi thở thời đại, hơi thở Việt Nam vào trường ca của mình. Và anh đã thành công. Thanh Thảo đã xác lập, khẳng định vị trí của mình trong nền thi ca Việt Nam. Năm 1979 Thanh Thảo nhận giải thưởng của Hội nhà văn Việt Nam, năm 1995 nhận giải thưởng văn học của Hội nhà văn Việt Nam, năm 2001 được trao giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật. Thơ của Thanh Thảo đã trở thành tác phẩm kinh điển, được đưa vào sách giáo khoa giảng dạy trong trường học.

Ngày xưa, trước khi qua đời, Bích Khê đã viết những câu thơ mang tính dự báo về sự nghiệp thơ của mình:

*“Mây, tuyết, thời gian bay tợ nhạc  
Hồn tôi đã thoát để tiêu dao  
Những tờ thơ nát đầy hơi hám  
Tay khách đa tình sẽ chuyển trao”.*

(*Nấm mộ, thơ Bích Khê*)

Ngày nay, trong *Bài ca ống cống*, Thanh Thảo đã viết những câu thơ như một tuyên ngôn nghệ thuật, khẳng định sự vĩnh cửu của nghệ thuật thơ ca và của cái đẹp:

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

*“...Bài hát của hôm nay  
Thơ sơ mà hực sáng  
Mang lẽ đời đơn giản  
Nói được tới ngày mai...”*

Hôm nay và mãi đến mai sau, tôi tin chắc một điều: Sự nghiệp thơ của Thanh Thảo mãi mãi trong xanh, ngọt ngào như dòng nước sông Trà và rực sáng như những vì sao trên đỉnh trời Thiên Bút phê vân của quê hương Quảng Ngãi.

(Bài đã đăng trên:

- WWW.vanchuongviet.org ngày 18/3/2009
- WWW.nhavan.vn ngày 25/3/2009
- Báo Bình Thuận thứ Bảy ngày 25/4/2009)

## TÀI LIỆU THAM KHẢO & TRÍCH DẪN:

### - 1 -

- Từ điển Nhân vật lịch sử Việt Nam của Nguyễn Q. Thắng và Nguyễn Bá Thế (1999).
- Non nước xứ Quảng của Phạm Trung Việt (1971).
- Mộ và đền thờ Bùi Tá Hán của Lê Thị Chung
- (Di tích Thắng cảnh Quảng Ngãi - 2001).
- Việt Nam Sử lược của Trần Trọng Kim (1999).

### - 2 -

- Tọa đàm về Lê Văn Duyệt của Nam Tiến (TC Xưa và Nay, số 78B/2000).
- Những đánh giá về Lê Văn Duyệt của Nguyễn Minh Tường (TC Xưa và Nay, số 304/2008).
- Đại Nam liệt truyện.
- Lê Văn Duyệt và lịch sử của Nguyễn Hạnh (TC Xưa và Nay, số 304/2008).
- Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim (1999).
- Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam của Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế (1999).

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

- 3 -

- Từ ngàn xưa cho đến mai sau của Giáo sư Vũ Khiêu (2005).
- Đất thiêng người tài của Trường Lưu (Văn hiến số 5 -2005).
- Tĩnh khê xã Văn hiến của Cao Chư (VHNT số 7 - 2007).
- Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim.
- Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam của Nguyễn Bá Thế - Nguyễn Q. Thắng (1999).

- 4 -

- Lịch sử Việt Nam của GS. Nguyễn Phan Quang và TS. Võ Xuân Đàn (2005).
- Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim (1999).
- Vương triều cuối cùng của Phạm Minh Thảo (2007)

- 5 -

- Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến năm 1884 của Nguyễn Phan Quang và Võ Xuân Đàn (1995).
- Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim (1999).
- Vương triều cuối cùng của Phạm Minh Thảo (2007).
- Trương Định - mệnh ấy yếu, nhưng danh ấy thọ của Phan Nam Dương (KTNN số 613/2007).
- Anh hùng dân tộc Trương Định của Lê Sơn (VHNT số 07/2007).
- Huyền thoại và lễ hội Trương Định của Nguyễn Thị Xuân (VHNT số 07/2007).

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

---

- 6 -

- Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam của Nguyễn Q. Thảng-  
Nguyễn Bá Thế (1999)
- Non nước xứ Quảng của Phạm Trung Việt (1971)

- 7-

- Tiến trình lịch sử Việt Nam do Nguyễn Quang Ngọc chủ  
biên (NXB Giáo dục 2006).
- 100 năm phong trào Duy Tân ở miền Trung (TC Xưa và  
Nay số 148/2003).
- Từ Điển nhân vật lịch sử Việt Nam của Nguyễn Q. Thảng  
- Nguyễn Bá Thế (1999).
- Non nước xứ Quảng của Phạm Trung Việt (1971).

- 8-

- Báo Nhân dân ngày 03/5/2000.
- Một con người có chính khí cao và nhân cách cao  
(Trần Văn Giàu kể, Ngọc Minh ghi).
- Một tầm vóc lớn của Trần Bạch Đằng (Tạp chí Xưa và Nay  
số 75/4/2000).
- Phạm Văn Đồng của nhà xuất bản chính trị quốc gia (2002).
- Phòng tiếp khách phía Tây của Mai Biễn (TN 2007).

---

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



- 9-

- Nhà văn hiện đại của Vũ Ngọc Phan (1942)
- Thi nhân Việt Nam của Hoài Thanh - Hoài Chân (1942)
- Nguyễn Vỹ - Nhân tích của một vùng đất và một thời đại của Đỗ Lai Thúy (Tạp chí VHNT số 7/2007)
- Tạp chí Phổ thông số 233/1970

- 10-

- *Thơ Bích Khê* (NXB Đồng Nai - 1999)
- *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh - Hoài Chân (1942)
- *Đời Bích Khê* của Quách Tấn (1970)
- *Yến Lan nhớ mãi về anh* của Nguyễn Thị Lan (2002)
- *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam* của Nguyễn Q. Thắng
- Nguyễn Bá Thế (1999)

- 11-

- Lịch sử quân sự Việt Nam.
- Một số nhân vật lịch sử tiêu biểu người Sơn Tịnh của Nguyễn Tú (VHNT số 07/2007).
- Quảng Ngãi đất tướng của Đặng Minh Phương (Văn hiến số 05/2005).

- 12-

- *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh - Hoài Chân (1942)
- *Non nước xứ Quảng* của Phạm Trung Việt (1971)

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

- *Tuyển tập thơ Tế Hanh I* (1987)
- *Tuyển tập thơ Tế Hanh II* (1997)
- *Vườn xưa thơ Tế Hanh* (1992)

- 13-

- *Tịnh Khê xã Văn hiến của Cao Chư* (VHNT số 7/2007).
- Âm nhạc.net
- *Phỏng vấn Trương Quang Lục của Phú Tài* (Báo xuân Quảng Ngãi - 2009).

- 14-

- *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, Hoài Chân (1942)
- *Sự tìm kiếm tiếp nối không ngừng của Ngô Thế Oanh* (Văn hiến Việt Nam số 5/2005)
- *Thanh Thảo - nhà thơ của những cách tân đầy sáng tạo* của Đỗ Quang Vinh (2008)
- *Thơ phải mang tính dự báo* của Nguyễn Văn Học - Ngô Ngọc Trang (Văn nghệ trẻ 2008)
- *Thơ miền Trung thế kỷ 20* của NXB Đà Nẵng (1995)
- Thanh Thảo ông hoàng của trường ca của Mai Bá Ẩn (thinhanquangngai.wordpress.com-16/2/2009)
- *Thơ chữ Hán của Cao Bá Quát* (NXB Văn học, 1976).
- *Trường ca Đêm trên cát* của Thanh Thảo (1985).

\*&\*

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*



## MỤC LỤC

(Sắp thứ tự theo sự kiện lịch sử, năm sinh của danh nhân)

	<u>Trang</u>
- Lời ngỏ	5
- Bùi Tá Hán - danh tướng triều Lê được tôn vinh thành tiên hiền xứ Quảng	7
- Lê Văn Duyệt - một tài năng lớn về quân sự, chính trị, kinh tế	11
- Danh thần Trương Đăng Quế - một tâm hồn thơ nặng lòng với quê hương	23
- Võ Duy Ninh - vị tướng đầu tiên hy sinh trong lịch sử chống Pháp	30
- Trương Định - thủ lĩnh vĩ đại của nghĩa quân chống Pháp	34
- Bài thơ tuyệt mệnh của người thủ lĩnh Nghĩa Hội	43
- Những người lãnh đạo phong trào Duy Tân ở Quảng Ngãi	48
- Phạm Văn Đồng - một tâm vóc lớn của Việt Nam trong thế kỷ 20	64
- Nguyễn Vỹ - nhân chứng của một thời	73
- Bích Khê - người có những câu thơ hay nhất Việt Nam	82
- Trần Văn Trà - vị tướng của nhân dân	91
- Tế Hanh - “cánh buồm vôi” đi qua thế kỷ	94
- Trương Quang Lục - người nhạc sĩ tài hoa của đất mẹ ngoan cường	104
- Thanh Thảo - với những câu thơ mềm mại mà mãnh liệt	110
- Tài liệu tham khảo và trích dẫn	120
- Chú thích ảnh	125
- Mục lục	126

*Những người con ưu tú của núi Ấn sông Trà*

# NHỮNG NGƯỜI CON ƯU TÚ CỦA NÚI AN SÔNG TRÀ

*Lê Ngọc Trác*

*Biên soạn*

\*\*\*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

179 Lý Chính Thắng – Q.3 – TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 9316435 – 8249528 – 5260124

Fax: (08).9136435

Email: [nxbvannghe@vnn.vn](mailto:nxbvannghe@vnn.vn)

Website: [www.nxbvannghe.com.vn](http://www.nxbvannghe.com.vn)

- 
- Chịu trách nhiệm xuất bản : *Nguyễn Đức Bình*
  - Biên tập *Nguyễn Hòa Bắc*
  - Bìa, trình bày *Như Khuê*
  - Sửa bản in *Khánh Minh*
- 

In lần thứ nhất 700 cuốn, khổ 14x20cm tại Công ty Cổ phần In Gia Định, số 9D Nơ Trang Long, Quận Bình Thạnh, TP.HCM. ĐT: 38412644. Số đăng ký KHXB: 527-2009/CXB/20-11/VNTPHCM. QĐXB số: 119/QĐ-NXBVN cấp ngày 29/6/2009. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2009.

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000478

## LÊ NGỌC TRÁC

*Tên thật:* Lê Ngọc Khôi

*Nơi sinh:* Hải Châu, Nghĩa Hiệp,

Tư Nghĩa, Quảng Ngãi

*Hiện thường trú:* KP5, P. Tân An,

TX. Lagi, Tỉnh Bình Thuận

### Những tác phẩm đã xuất bản:

- *Dòng sông Em & Tôi* - Thơ (1996)

- *Về* - Thơ (2007)

- *Một chút tình thơ* - Giới thiệu

tác giả, tác phẩm (2008)

- *Miền Thẩm Tùng Thiện Vương -*

*Nhất Đại Thi Ông* - Biên khảo (2008)

- *Những người con ưu tú của*

*núi Ấn sông Trà* - Biên khảo (2009)

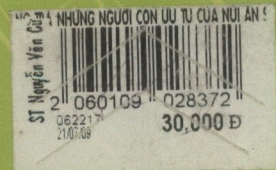
### Địa chỉ liên lạc:

506 Thống Nhất - P. Tân An

Thị xã Lagi - tỉnh Bình Thuận

ĐT: 062.3871736 - 0906.131.270

Email: lengoctrac@gmail.com



**Giá: 30.000đ**